

SỐ 1734

HOA NGHIÊM KINH VĂN NGHĨA CƯƠNG MỤC

Đời nhà Đường, Sa môn Pháp Tạng soạn.

Bởi vì biển tánh mênh mông mang theo dáng vẻ, có lẽ nào lường được nguồn gốc đó? Sâu xa huyền diệu tinh tế cùng cực, làm sao danh ngôn tìm thấy bến bờ kia? Có Trí tuệ viên dung sáng rực lên trong đêm mà loại trừ bao lớp tối tăm, Đại Bi không giới hạn phủ xuống khắp mọi căn cơ mà đối diện vô số quốc độ. Ngay sau đó không dáng vẻ mà hiện bày dáng vẻ, giống như mặt trời lên cao soi sáng hang sâu; không ngôn từ mà bày tỏ ngôn từ, dường như khe suối lớn trút hết sóng nước rạt rào. Vì vậy mở đầu từ Liên Hoa Tạng giới phát triển cương mục sâu xa vô tận, ràng buộc dòng chảy mà thông suốt lên trên, điều khiển dẫn dắt mà bày tỏ bến bờ linh nghiệm. Sau đó hóa thân vào quốc độ Kham Nhẫn, dần dần trải rộng vầng mây Từ, rưới ân huệ vi diệu để thấm ướt ba căn, mầm đạo phát sinh mà quy về một mối. Vậy thì biết cơ duyên cảm đến khác với Thánh ứng cho nên phân chia sai biệt, Thánh ứng tuy khác mà chỉ một không nghi bàn được.

Kinh Hoa Nghiêm này chính là tập trung ra sức bàn về Hải hội, hướng theo giảng giải về điểm cao nhất của Núi chúa, lý rộng lớn đến mức tận cùng pháp giới mà kéo dài đến cội nguồn chân thật, ngôn từ thâm thúy mênh mông tựa như hư không mà trùm khắp vô lượng quốc độ. Bởi vậy không hề thiếu sót Đại-Tiểu mà quốc độ rộng lớn tiềm ẩn vào trong mây lông, không thay đổi lớn-nhỏ mà lưu thông rất sâu xa vào bao la pháp giới hư không. Vì thế Nhân-đà-la vãng tìm hiểu hiện bày lẫn nhau mà trùng trùng điệp điệp, tia sáng pha lê chiếu rọi vô lượng phương xứ mà lại mờ mờ ảo ảo, một tức là nhiều mà vô ngại, nhiều ngay nơi một mà viên thông, thâm nhiếp chín đời vào trong một sát-na, dẫn ra một niệm mà bao gồm vô lượng kiếp, Tam Sinh cứu cánh kiên cố gieo trồng để làm nhân, Thập Tín đạo viên đức mãn hiển hiện mà thành

tự quả. Quả không có quả nào khác nhân mà phân ra năm phần vị để phân biệt rõ ràng, nhân không có nhân nào khác quả mà tổng hợp mười thân để đồng thời đạt đến, cho nên Giác Mẫu dựa sát vào cơ duyên hướng về Đông Thành lấy sáu ngàn khai thông mười Nhân ấy, Đồng Tử hỏi ý kiến bạn bè quay về Nam Quốc dùng trăm mười để thành tựu một đời, toại nguyện khiến cho không rời khỏi Thọ Vương mà sáu Trời đi đến nơi này, có lẽ nào làm thay đổi Hoa Tạng hòa hợp mười quốc độ rộng không, nêu ra Bảo kệ từ trong trần số cùng nhau soi sáng tám Hội, mở bày ngọc châu hướng về tánh đức làm sáng tỏ đầy đủ bảy Xứ. Rộng lớn mênh mông vang vang cự tuyệt nghĩ bàn mà trở lại phát ra, cao to đồ sộ sáng rực cách xa nghe nhìn bởi nghễnh ngãng mù lòa, vì vậy Xá-na bắt đầu vui sướng xét kỹ hướng về Hải Ấn suốt mười bốn ngày dấy lên ở đâu, Long Thọ cuối cùng cúi xuống quan sát ở tại Long Cung sáu trăm năm sau mới hiển hiện.

Vậy thì Đại lấy bao hàm làm nghĩa lý, Phương lấy quỹ phạm làm công năng, Quảng tức là Thế cao xa-Dụng rộng khắp, Phật chính là Quả tròn vẹn-Giác đầy đủ, Hoa ví dụ nở ra đầy đủ vạn hạnh, Nghiêm dụ cho tô điểm Thế vốn có ấy, Kinh là may khâu nối liền nhau, là Giáo nghĩa năng thuyên gắn chặt với nhau vậy. Thuận theo Pháp dựa sát vào Nhân(con người), nương nhờ Dụ làm thành đề mục, cho nên xưng là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh.

Thế Gian Tịnh Nhân Phẩm, là ba loại như Khí thế gian-Khí thế giới và Khí giới, biểu hiện cho ánh sáng mặt trời đối với thời gian, rạng rỡ thuần khiết chiếu rọi xuyên suốt ví như ánh mắt trong sáng, Pháp-Dụ-Hợp nêu lên cho nên gọi là Thế Gian Tịnh Nhân. Ngôn ngữ lý lẽ như nhau đều có quy cách tương tự thuận theo nhau, cho nên gọi là Phẩm. Kinh này có ba mươi bốn Phẩm, Phẩm này nêu lên đầu tiên cho nên gọi là Đệ Nhất. Vì vậy nói là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Thế Gian Tịnh Nhân Phẩm Đệ Nhất. Nghĩa còn lại như sau giải thích. Nay tổng quát về bảy Xứ-tám Hội của kinh này, Sự và Nghĩa sai biệt sơ lược tách ra mười môn:

- 1) Phân rõ về nguyên nhân phát khởi của giáo nghĩa.
- 2) Giải thích đề mục của kinh.
- 3) Trình bày về tông chỉ hướng đến của kinh.
- 4) Thời và Xứ thuyết kinh.
- 5) Phân rõ và xác định về Giáo chủ.
- 6) Trình bày về số lượng Hội chúng sai biệt.
- 7) Phạm vi giới hạn thừa thỉnh và thuyết giảng.

- 8) Tam muội đã tiến vào.
- 9) Ánh sáng của đức Phật gia trì.
- 10) Chính thức thuyết về phẩm hội.

Trong phần một, Phân rõ về nguyên nhân phát khởi của Giáo nghĩa, có hai: Trước là trình bày về tướng lưu truyền của Giáo nghĩa, sau là phân rõ về ý hưng khởi của Giáo nghĩa.

Trong phần trước nói về tướng lưu truyền của Giáo nghĩa, ở Tây Vực tướng truyền: “Kinh này được kết tập sau đó đưa vào Long cung, sáu trăm năm sau từ khi Đức Phật diệt độ, Bồ-tát Long Thọ tự mình đến Long cung, gặp được kinh Đại Bát Tư Nghị này, bản Thượng có mười Tam thiên Đại thiên thế giới vi trần số Kệ, bốn thiên hạ vi trần số Phẩm; bản Trung có bốn mươi chín vạn tám ngàn tám trăm Kệ, một ngàn hai trăm Phẩm; bản Hạ có mười vạn Kệ và ba mươi tám Phẩm. Long Thọ liền mang bản Hạ này đến nước Thiên Trúc soạn thành bộ luận Bát Tư Nghị, cũng theo mười vạn Kệ để giải thích kinh này.” Nay Tam tạng Gia-xá đã phiên ra bộ luận Thập Trú Tỳ Bà Sa là một Phẩm trong kinh đó. Sau đó vào thời Đông Tấn có Sa-môn tên Chi Pháp Lĩnh, từ nước Vu Điền chỉ có được ba vạn sáu ngàn Kệ trong kinh này, và thỉnh được Thiền sư tên gọi Phật-đà Bạt-đà-la, ở Trung Hoa gọi là Giác Hiền. Thiền sư này chứng được quả vị thứ ba trong bốn quả vị Bồ-tát Đại thừa, dòng họ Thích-ca và chính là con cháu đời sau của Cam Lộ Phạn Vương. Đến thời nhà Tấn, vào ngày 10 tháng 3 năm Thuần Hỏa niên hiệu An Đế Nghĩa Hy thứ 14, ở tại chùa Tạ Tư Không-Dương Châu xây dựng riêng biệt một ngôi Pháp đường gọi là Hộ Tịnh Hoa Nghiêm, ở trong đó dịch ra kinh này. Bấy giờ phía trước Pháp đường có hồ hoa sen, hằng ngày có hai Đồng tử áo xanh, từ trong hồ xuất hiện vẩy nước quét dọn-mài mực đến chiều tối trở về lại trong hồ, kinh đã kết thúc thì không xuất hiện nữa. Tướng truyền Giải thích rằng: Bởi vì kinh này giữ lâu ở Long cung, vui mừng trước sự truyền bá thông suốt này, vì thế khiến Long Vương phái người đến hầu hạ mà thôi. Về sau nhân đó đổi tên chùa này gọi là chùa Hưng Nghiêm. Thời nhà Tấn có Sa-môn Thích Pháp Nghiệp và Huệ Nghiêm-Huệ Quán... đích thân tham gia ghi lại, Pháp Nghiệp nhân đó soạn ra Nghĩa Ký, gọi là Hoa Nghiêm Chỉ Quy có 2 quyển, có Nội sử Mạnh Nghi-Thạch Vệ-Tướng quân Chử Thúc Độ... ở quận Ngô làm người hỗ trợ (đàn việt). Đến ngày 10 tháng 6 niên hiệu Nguyên Hy năm thứ hai thì bản dịch hoàn tất, đến ngày 20 tháng 2 niên hiệu Vĩnh Sơ năm thứ hai thuộc Đại Tống dựa vào bản tiếng Phạn hiệu đính lại tất cả, lúc đó trở thành năm mươi quyển. Người đời sau cũng

có phối hợp làm thành sáu mươi quyển. Ở trong phẩm Pháp Giới trước đó có thiếu mất tám, chín tờ văn, nay trong tháng ba niên hiệu Vĩnh Long năm thứ nhất thuộc Đại Đường, có Tam tạng Pháp sư Địa-bà Hala người Trung Thiên Trúc, thời Đường gọi là Nhật Chiêu, phụng mạng sắc chỉ cùng với mười Đại đức như Sa-môn Đạo Thành..., ở tại chùa Thái Nguyên thuộc Tây Kinh phiên dịch bổ sung vào, Sa-môn Phúc Lễ ghi lại. Sự cảm ứng thông suốt của kinh ấy và dấu tích thần diệu của Giác Hiền..., đều phân rõ như trong Tân Tập Hoa Nghiêm Truyện.

Trong phần sau là trình bày về ý hưng khởi của Giáo nghĩa. Nói đến Đại Giáo hưng khởi thì không phải là không có nhân duyên, và không phải là nhân duyên nhỏ bé mà khiến cho Giáo nghĩa này thành lập, do đó văn sau trong phẩm Tánh Khởi nói: “Bởi vì nhân duyên như vi trần của núi Tu-di... cho nên thành lập Tánh Khởi Pháp Luân này.” Nay sơ lược về đề mục thì có mười loại, đó là: Một, Bởi vì Nguyên lực; Hai, Bởi vì Pháp nhĩ; Ba, Bởi vì làm gốc rễ; Bốn, Bởi vì làm nơi quay về; Năm, Bởi vì hiển bày công đức; Sáu, Bởi vì hiển bày phần vị; Bảy, Bởi vì phát triển rộng ra; Tám, Bởi vì thấy nghe; Chín, Bởi vì thành tựu hạnh; Mười, Bởi vì đạt được quả.

Một: Bởi vì Nguyên lực, nghĩa là Phật cùng với Bồ-tát và cơ duyên ấy, cả ba phần vị đã phát khởi Nguyên lực, do đó văn sau nói: “Là nguyên lực vốn có của Phật Lô-xá-na, là nguyên lực của Phổ Hiền.” Lại nói: “Nếu có chúng sinh nào được nghe kinh giáo ấy, thì nên biết là nhờ nguyên lực vốn có.” Lại nói: “Bắt đầu phát khởi Đại nguyện là nhờ vào nguyên lực vốn có mà phát ra.”

Hai: Bởi vì Pháp nhĩ, nghĩa là hết thảy chư Phật lúc mới xuất hiện ở thế gian, đều mong muốn mở bày rõ ràng mà hóa hiện hoa sen, pháp vốn như vậy đều từ trong Định Hải Ấn thuộc ngày thứ mười bốn, theo trình thức nhất định mà đưa ra pháp môn Vô tận như vậy. Văn sau nói: “Pháp như vậy bởi vì quy phạm này giống như đường đi của bậc Đại Vương, theo lệ thường pháp vốn như thế.”

Ba: Bởi vì làm gốc rễ, nghĩa là mong muốn lần lượt theo cơ duyên từng bước thi thiết đến cuối cùng Giáo thuyết, cho nên ở lúc ban đầu trước hết phải chỉ ra pháp này để làm thành gốc rễ của ngọn nguồn. Bởi vì dựa vào gốc rễ này có thể phát sinh ngọn nguồn, cho nên văn sau nói: “Ví như pháp giới thanh tịnh làm chỗ dựa cho pháp của Tam thừa.” Lại nói: “Giống như mặt trời mọc thì trước hết chiếu rọi núi cao...”

Bốn: Bởi vì làm nơi quay về, nghĩa là hiển bày nơi quay về của giáo pháp cuối cùng, do đó văn sau nói: “Giống như các dòng sông chảy

về biển rộng...”

Năm: Bởi vì hiển bày công đức, nghĩa là hiển bày Như Lai tự mình đã đạt được Thể-Tướng-Dụng của pháp, bởi vì Thể nghĩa là pháp giới Lý-Trí vô ngại, Tướng nghĩa là mười Liên Hoa Tạng vi trần số..., Dụng nghĩa là trong lỗ chân lông hiện rõ quốc độ làm lợi ích nhiều cho cơ duyên, Phổ Hiền cũng như vậy.

Sáu: Bởi vì hiển bày phần vị, nghĩa là hiển bày sáu phần vị như Tín ... viên dung thâm nhiếp lẫn nhau từ đầu đến cuối, vì vậy một phần vị tức là tất cả các phần vị, mà từ đầu đến cuối trải qua đầy đủ. Văn sau nói: “Ở tại một Địa thâm nhiếp rộng khắp công đức của tất cả các Địa...”

Bảy: Bởi vì phát triển rộng ra, nghĩa là phát triển rộng ra pháp môn tự tại vô ngại pháp giới trong tâm thuộc về Tánh Khởi của chúng sinh, làm cho hiển bày rõ ràng, do đó văn sau nói: “Phá sạch vi trần lộ bày quyển kinh...” Điều đó có thể biết.

Tám: Bởi vì thấy nghe, nghĩa là chỉ ra Nhất thừa này là pháp môn vô tận tự tại cụ túc chủ bạn vô ngại, khiến cho chúng sinh thấy nghe thành tựu chủng tử Kim Cang thuộc phần vị giải thoát, nói như phẩm Tánh Khởi.

Chín: Bởi vì thành tựu hạnh, nghĩa là khiến cho chúng sinh thành tựu hạnh của Phổ Hiền, một hạnh tức là tất cả các hạnh, lúc mới phát tâm đã thành tựu Chánh giác, chính mình đầy đủ trí tuệ không nhờ vào người khác mà giác ngộ...

Mười: Bởi vì đạt được quả, có hai: 1) Đoạn quả, nghĩa là loại trừ chướng ngại, ngay nơi một chướng ngại có đủ tất cả chướng ngại, nói như phẩm Phổ Hiền; một đoạn trừ thì tất cả đều đoạn trừ, nói rộng như phẩm Tiểu Tướng... 2) Trí quả, có đủ mười thân và tận cùng ba thế gian, nghịch-thuận tự tại Y-Chánh vô ngại... Bởi vì mười nghĩa này cùng chung một lực duyên khởi vô ngại viên dung tự tại, khiến cho Giáo nghĩa của kinh này dựa vào căn bản Vô trú mà kiến lập.

Phần hai, Riêng biệt giải thích đề mục của kinh, trong đó có hai: Trước là giải thích về các tên gọi, sau là giải thích riêng biệt về đề mục.

Trong phần trước, các Thánh giáo thiết lập tên gọi của kinh này, tóm lược có năm loại:

Một: Dựa vào kinh Quán Phật Tam Muội và kinh Niết Bàn, gọi kinh này là kinh Tạp Hoa, đây là Dụ làm tên gọi, bởi vì Lý-Hạnh đan xen cùng với duyên khởi tập hợp mà thành.

Hai: Phẩm Chúc Lụy trong Trí Luận gọi là kinh Bất Tư Nghị Giải Thoát, có mười vạn bài kệ, đây là từ Pháp dựa vào Dụng làm tên gọi, vì vậy phẩm Tánh Khởi nói: “Kinh này thiết lập vì Thừa giáo Bất Tư Nghị và Thừa giáo Bồ-tát.” Còn Trí Luận là tự chỉ về kinh này.

Ba: Thắng tướng thứ mười trong Nhiếp Luận thời Lương nói: “Kinh Bách Thiên tức là Hoa Nghiêm, mười vạn bài kệ là Bách Thiên.” Đây là thuận theo Số lượng làm tên gọi.

Bốn: Như sau ở phẩm Ly Thế Gian nói xuất sinh Bồ-tát thâm diệu nghĩa hoa..., đến phẩm ấy sẽ giải thích, đây là dựa theo Pháp-Dụ-Hợp làm đề mục.

Năm: Dựa theo mười nghĩa thiết lập làm thành tên gọi..., như phẩm Tánh Khởi, cũng đến phẩm ấy sẽ phân rõ.

Trong phần sau là giải thích riêng biệt về đề mục, cũng có hai: Trước là giải thích tổng quát, sau là giải thích riêng biệt.

Giải thích tổng quát: Như luận Nhập Đại Thừa nói có năm nghĩa: “Một, Bởi vì chúng sanh mà nói về pháp đối trị; Hai, Bởi vì có rất nhiều Thừa giáo; Ba, Bởi vì nhiều vật dụng trang nghiêm; Bốn, Bởi vì có năng lực phát sinh vô lượng Đại quả; Năm, Bởi vì đoạn trừ tất cả các tà kiến, cho nên gọi là Tỳ Phật Lực.” Luận Tạp Tập giải thích: “Phương Quảng, nghĩa là Bồ-tát Tạng tương ứng với ngôn thuyết gọi là Phương Quảng, vốn là nơi dựa vào để làm lợi ích an lạc cho tất cả hữu tình, tuyên thuyết về giáo pháp rất sâu xa rộng lớn. Cũng gọi là Quảng Phá, bởi vì có năng lực phá bỏ rộng ra tất cả mọi chướng ngại. Cũng gọi là Vô Tỷ, bởi vì không có pháp nào có thể so sánh tương tự. Những danh xưng này đều là tên gọi sai biệt của Đại thừa, bởi vì tương ứng với bảy loại Đại tánh..., cho đến nói rộng ra.”

Giải thích riêng biệt: Đại Phương Quảng... là tên gọi tổng quát của một bộ kinh, Thế Gian Tịnh Nhãn là đề mục riêng biệt của phẩm ấy.

Trong phần tổng quát có hai: Trước là mở thông nghĩa lý, sau là hợp lại giải thích. Mở thông thì trước là nêu ra nghĩa Sở thuyên, một chữ Kinh ở sau là nêu ra giáo Năng thuyên, đây là giải thích dựa theo Chủ (Y chủ thích).

Trong phần trước là mở thông nghĩa lý: Trước là trình bày về Sở dụ, sau là hai chữ Hoa Nghiêm hiển bày về Năng dụ.

Trong phần Sở dụ: Trước là trình bày về pháp Sở y, sau là một chữ Phật hiển bày về người Năng y.

Trong pháp Sở y: Trước là riêng biệt trình bày về Thế-Dụng, sau là một chữ Quảng hợp lại phân rõ về công năng của Thế.

Trong phần riêng biệt về Thể-Dụng: Trước là chữ Đại trình bày về Thể của pháp, sau là chữ Phương phân rõ về công năng thù thắng.

Trong phần sau là hợp Lại giải thích: Đại là ngay Thể ấy làm đề mục, bao hàm tất cả làm nghĩa; Phương là dựa vào Dụng làm tên gọi, quỹ phạm làm nghĩa; Quảng là Thể-Dụng kết hợp trình bày, rộng khắp mọi nơi làm nghĩa. Trong này Đại tức là Phương, Đại Phương tức là Quảng, đều là giải thích theo Trì nghiệp (Trì nghiệp thích). Và lại, Đại thì Cổ đức giải thích có ba nghĩa: Một là nghĩa về Thường, trong kinh nói: Nói là Đại thì tên gọi ấy là Thường; Hai là nghĩa về Thể tánh rộng khắp, trong kinh nói: Nói là Đại bởi vì tánh ấy rộng lớn khắp nơi; Ba là nghĩa về công năng thù thắng, trong kinh nói: Có năng lực kiến lập về nghĩa của Đại gọi là Đại Niết-bàn. Lại có đủ ba Đại về Thể-Tướng-Dụng.

Nay lại tìm theo văn sau sơ lược có mười nghĩa:

1) Cảnh Đại, trong đó có hai: Một, Y báo Đại, đó là mười Liên Hoa Tạng; Hai, Chánh báo Đại, đó là ba nghiệp-mười Phật..., nói như phẩm Lô-xá-na..., tức là cảnh giới của Tín.

2) Tâm Đại, nói như đầu phẩm Hiền Thủ và phẩm Phát Tâm Công Đức.

3) Hạnh Đại, nói như phẩm Ly Thế Gian, tu tập tất cả công hạnh của sáu phần vị.

4) Vị Đại, như phẩm Minh Nạn trở đi cho đến Hội thứ sáu nói về năm phần vị ấy, đó là Tín Đại-Giải Đại-Hạnh Đại-Nguyện Đại-Chứng Đại...

5) Chứng Đại, nói như phẩm Nhập Pháp Giới, chứng tất cả các pháp của sáu phần vị.

6) Nhân Đại có hai: Một, Sinh nhân, nói như năm phần vị trước đây; Hai, Liễu nhân, nói như phẩm Phổ Hiền...

7) Quả Đại, trong đó có hai: Một, Quả thuộc Tùy Duyên, nói như phẩm Bất Tư Nghị...; hai, Quả thuộc Tự Thể, như trong kinh này chính là quả thuộc phần không thể nói được.

8) Thể Đại, nói như phẩm Tánh Khởi...

9) Dụng Đại, nghĩa là từng niệm từng niệm làm lợi ích cho chúng sinh nhanh chóng thành tựu phần vị..., nói như phẩm Tiểu Tướng...

10) Pháp Đại, trong đó có ba: Một, Giáo Đại, nghĩa là mỗi một danh cú đều rộng khắp tất cả mười phương pháp giới, nói như văn sau; Hai, Nghĩa Đại, là phù hợp với giáo pháp vô biên mà hiển bày nghĩa lý; Ba, Sự Đại, nghĩa là mỗi một mảy trần đều có đủ tất cả như vậy.

Mười nghĩa trên đây mỗi một nghĩa đều tổng quát thấu nhiếp hết tất cả các pháp, đầy đủ tức là hòa nhập cho nên gọi là Đại.

Phương có ba nghĩa: Một là nghĩa về vương vực phù hợp, đó là mười nghĩa này có tánh xa rời tất cả mọi điều không chính đáng; hai là nghĩa về phương pháp cách thức, đó là mười nghĩa này đều có mô phạm quỹ tắc chính xác; ba là nghĩa về phương thuốc chữa bệnh, đó là mười nghĩa này đều có năng lực đối trị các chướng ngại sâu dày.

Quảng có hai nghĩa: Một, Rộng khắp tất cả mọi nơi, nghĩa là mỗi một pháp môn đều rộng khắp tất cả vô biên thế giới, cho đến vô lượng phương hướng và tất cả các pháp ở khắp mọi nơi, nói như văn sau kết luận về nối thông...; Hai, Rộng khắp tất cả mọi lúc, nghĩa là rộng khắp thời gian từ trước đến sau, thông suốt mười đời xuống đến một sát-na... Ở đây lại có hai loại rộng khắp(biến), một là chỉ có một lớp, hai là lớp lớp chồng chất giống như lưới giăng của Đế Thích, tuy dựa theo một mà thấu nhiếp tất cả cho nên gọi là Đại, một mà rộng khắp tất cả cho nên gọi là Quảng, nhưng cũng có thể trước gọi là Quảng-sau gọi là Đại cũng không có gì trái ngược.

Phật là Giác chiếu làm tên gọi-Quả mãn làm nghĩa lý, đây là nối thông với mười Phật và ba Phật. Phương Quảng là pháp Sở đắc, Phật là người Năng đắc. Vả lại, trước là cảnh Sở giác, Phật là trí Năng giác. Trong này Cảnh và Trí có hai nghĩa: Một là nghĩa về tác thành lẫn nhau, hai là nghĩa về ngay trong nhau.

Một là nghĩa về tác thành lẫn nhau: Phật của Phương Quảng trong nghĩa trước là chọn lấy Phật thuộc Thừa dưới, Phương Quảng của Phật là chọn lấy pháp thuộc phần vị của nhân. Hai nghĩa này tác thành lẫn nhau đều có bốn câu về duyên khởi Hữu tánh-Vô tánh, tư duy dựa theo điều này! Con người và pháp dựa vào nhau đều là giải thích dựa vào Chủ(Y chủ thích).

Hai là nghĩa về ngay trong nhau: Hoặc là Phương Quảng ngay nơi Phật-Phật ngay nơi Phương Quảng, bởi vì con người và pháp vốn vô ngại, khiến cho Thể ngay trong nhau cũng có bốn câu, tư duy dựa theo điều này! Đây chỉ giải thích theo trì nghiệp(Trì nghiệp thích).

Hoa có ba nghĩa: Một, Nghĩa về vi diệu; Hai, Nghĩa về cảm quả; Ba, Nghĩa về trang sức. Một nghĩa đầu dụ cho Thể của hành, hai nghĩa sau dụ cho Dụng của hành. Trong Dụng thì nghĩa trước dụ cho Sinh nhân, nghĩa sau dụ cho Liễu nhân. Vả lại, Sinh nhân là hoa sinh ra quả, không đồng thời xuất hiện cùng với quả, như sinh tử là vật dụng của đạo và thiện căn của phần vị nhân..., vì vậy văn sau nói: “Kinh này sinh ra

các hành công đức thâm diệu nghĩa hoa của tất cả Bồ-tát.” Nếu thuận theo nghĩa này thì nên gọi là Bồ-tát Phương Quảng. Còn Liễu nhân là hoa trang nghiêm cho quả và đồng thời xuất hiện cùng với quả, như thiện căn của phần vị quả. Nay trong văn này trình bày về Phật Phương Quảng, cho nên dựa theo phần vị quả chỉ luận về Phật Hoa Nghiêm mà thôi.

Vả lại, riêng biệt phân tích thì nghĩa về vi diệu dụ cho pháp trước đây, hai nghĩa sau dụ cho con người trước đây, luận chung về con người và pháp đều có đủ ba nghĩa này, cho nên trở thành so sánh như vậy.

Một chữ Nghiêm hàm chứa tất cả Năng nghiêm và Sở nghiêm, vì vậy hòa hợp lẫn nhau cũng làm thành bốn câu: 1) Hoặc là vạn hạnh giống như hoa làm Năng nghiêm, chân tánh làm Sở nghiêm, bởi vì Lý nhờ vào Tu mà hiển bày. 2) Hoặc là chân tánh giống như hoa làm Năng nghiêm, tu tập phát sinh các công hạnh làm Sở nghiêm, bởi vì Hành thuận theo Lý mà khởi lên. Vì thế trong Nhiếp Luận nói: “Không có pháp nào không bắt đầu từ Pháp thân này mà lưu chuyển, không có pháp nào không trở lại chứng đạt Pháp thân này.” Chính là nói đến nghĩa này. 3) Hoặc là cùng hòa hợp Năng-Sở không hai mà hai, bởi vì không phải công hạnh lưu chuyển chân thật thì không thể nào phù hợp với chân thật, không phải công hạnh trang nghiêm chân thật thì không thuận theo chân thật khởi lên. Bởi vì Thể dung hòa với công hạnh mà nhân tròn vẹn, công hạnh đầy đủ chân thật mà quả đầy đủ, cho nên nêu ra làm Phật Hoa Nghiêm. 4) Hoặc là cùng phai mờ Năng-Sở hai mà không hai, bởi vì công hạnh ngay nơi chân thật chẳng phải là công hạnh, chân thật ngay nơi công hạnh chẳng phải là chân thật. Vậy thì Lý và Hành cùng bất dứt, Năng và Sở đều không còn, vượt lên trên tình thức lìa xa tướng trạng thì gọi là Hoa Nghiêm. Hai câu trước là Nghiêm của Hoa, hai câu sau thì Hoa chính là Nghiêm, hai cách giải thích có thể biết. Hơn nữa, Hoa Nghiêm trong Phương Quảng Phật, và ngay nơi Hoa Nghiêm, cũng có hai cách giải thích có thể biết.

Kinh thì giống như trước giải thích.

Thế Gian là Pháp, Tịnh Nhân là Dụ. Thế ấy là thời gian, Gian ấy là trong phạm vi. Trong phạm vi thời gian hiển bày rõ ràng cho nên nói là Thế Gian.

Thế Gian không giống nhau, nghĩa có ba loại: Một là Khí thế gian có hai: 1) Biệt xứ như các chốn đạo tràng... 2) Thông xứ là Liên Hoa Tạng thế giới. Hai là Trí chánh giác thế gian, cũng có hai: 1) Ba thân; 2) Mười Phật. Ba là Chúng sinh thế gian, cũng có hai: 1) Đồng sinh; 2)

Dị sinh.

Tịnh Nhãn cũng có ba nghĩa: Một là nghĩa về thấu suốt tường tận, ví như ba pháp ấy là tương-bình đẳng thấu suốt tường tận nguồn gốc chân thật; Hai là nghĩa về chiếu rọi rộng khắp, dù cho ba pháp ấy thấu triệt rõ ràng hiểu biết tất cả các pháp môn; ba là nghĩa về cảnh tượng hiện rõ, ví như ba pháp ấy ảnh hiện lẫn nhau và tất cả các pháp trải qua tiến vào không chướng ngại duyên khởi tự tại. Bởi vì hiển bày ba pháp ấy có nghĩa thù thắng sai khác như vậy, cho nên tách biệt thiết lập tên gọi này mà không gọi là Tựa.

Phẩm là chủng loại, cũng là nơi chốn phân biệt. Lại giải thích: Đức Như Lai chưa xuất hiện ở thế gian, bởi vì không có người khéo léo dẫn dắt, cho nên giống như mù lòa; nay Đức Phật bắt đầu xuất hiện ở thế gian, thì ánh mắt của thế gian hiện rõ, cho nên nói là Thế Gian Tịnh Nhãn. Vì vậy, lúc Đức Phật nhập Niết-bàn thì nói là ánh mắt của thế gian không còn. Những điều còn lại giải thích như trên.

Phần ba, Trình bày về tông chỉ hướng đến của kinh, trong đó có hai: Trước là tổng quát, sau là riêng biệt.

Trong phần tổng quát: Cổ đức đưa ra Tông chỉ không giống nhau, như Pháp sư Viễn lấy Hoa Nghiêm Tam-muội làm Tông chỉ, còn Pháp sư Diễm... lấy pháp giới làm Tông chỉ... Nay dựa vào Pháp sư Quang Thống lấy Nhân quả-Duyên khởi-Lý thật làm Tông thú, Nhân quả là phần vị, Duyên khởi là Nghĩa, Lý thật là Thể, bởi vì Nhân quả và Lý thật không hai cho nên đều là Duyên khởi. Và lại, Nhân quả thuộc về Sự, Duyên khởi hiểu rõ Tướng, Lý thật hiển bày Thể. Trong này đưa ra hai môn: Một là dựa theo văn, hoặc là chỉ có quả, như phẩm Bất Tư Nghị và phẩm Lô-xá-na... hoặc là chỉ có nhân, như phẩm Minh Nạn đến phẩm Tăng Kỳ và phẩm Phổ Hiền... hoặc là cùng có cả hai, như hai Hội thứ bảy-thứ tám; hoặc là không phải cả hai, như phẩm Tánh Khởi. Nếu tinh tế chọn lấy từng Phẩm một-từng Hội một cũng là từng Văn một thì đều có đủ nhân quả. Tư duy có thể thấy. Hai là dựa theo nghĩa, hoặc là nhân quả đều là nhân, bởi vì dựa theo Duyên khởi cho nên thông suốt một Bộ này, bởi vì phần quả vốn không thể nói được; hoặc là nhân quả đều là quả, bởi vì khởi lên tức là không khởi lên, bởi vì Tướng không còn vốn dựa theo Lý thật; hoặc là trước đều là quả, bởi vì từ nơi này mà khởi lên; hoặc là sau đều là nhân, bởi vì đây là chỗ dựa căn bản. Bởi vì đều là Duyên khởi-Lý thật, cho nên hoặc là nhân ngay nơi quả-quả ngay nơi nhân, nhân chẳng phải quả-quả chẳng phải nhân, nhân chính là nhân-quả chính là quả, nhân chẳng phải nhân-quả chẳng phải quả,

như vậy không có gì chướng ngại, Nhân-Pháp-Giáo-Nghĩa... đều dựa theo đây biết rõ.

Trong phần riêng biệt phân rõ, có năm cặp-mười câu:

1) Cảnh và Hành đối lập với nhau, lấy Cảnh làm Tông-dùng Hành làm Thú, hoặc là trái lại; đây là dùng Tu để phát khởi Trí mà lĩnh hội cùng một chân cảnh.

Hỏi: Tông và Thú có gì sai khác? Đáp: Lời nói đã biểu hiện gọi là Tông, nơi quay về của Tông gọi là Thú. Trong phần tổng quát thì Tông chính là Thú, trong này phân biệt làm sáng tỏ.

2) Lý và Sự đối lập với nhau, lấy Sự làm Tông-lấy Lý làm Thú, hoặc là trái lại với trước, bởi vì dựa vào Lý có thể thành tựu duyên khởi của Sự.

3) Giáo và Nghĩa đối lập với nhau, Giáo làm Tông-Nghĩa làm Thú, hoặc là trái lại với trước, bởi vì Nghĩa sâu xa làm cho Giáo chân thật.

4) Nhân và Quả đối lập với nhau, Nhân làm Tông, Quả làm Thú, hoặc là trái lại với trước, bởi vì ý nêu ra Quả vốn là thành tựu Nhân.

5) Nhân và Pháp đối lập với nhau, tập hợp nhiều người làm Tông-thuyết pháp làm Thú, hoặc là trái lại với trước, bởi vì Pháp vốn thành tựu con người.

Trong phần bốn, Thời và Xứ thuyết kinh: Trước là trình bày về thời gian, sau là hiển bày về nơi chốn.

Trong phần trước là trình bày về thời gian, đưa ra bốn môn: Một, Xác định về phạm vi giới hạn; Hai, Thâu nhiếp trước sau; Ba, Hiển bày sai biệt; Bốn, Biểu thị về pháp.

Một: Xác định về phạm vi giới hạn: Bồ-đề Lưu-chi nói: “Trong tám Hội của Hoa Nghiêm thì năm Hội trước là thuyết ra trong bảy ngày thứ nhất từ khi Đức Phật thành đạo, Hội thứ sáu về sau là thuyết ra trong bảy ngày thứ hai, bởi vì đầu kinh Thập Địa nói là bảy ngày thứ hai.” Lại có người nói: “Hội thứ tám là thuyết ra trong thời gian sau, bởi vì trong văn ấy có Thu Tử cùng với năm trăm Thanh văn, đều được độ trong thời gian sau.” Những sự phân định như vậy e rằng không thuận với văn, bởi vì bảy ngày thứ nhất chẵn chẵn không thuyết pháp. Trong luận Thập Địa nói: “Vì sao không thuyết pháp trong bảy ngày thứ nhất? Bởi vì thực hành tư duy-thực hành nhân duyên. Đã nói là tư duy thì biết rõ ràng không phải là thuyết pháp, giả sử có nói để cứu giúp, chỉ không thuyết về Thập Địa, chứ không phải không thuyết về các pháp khác, thì không thể nào nói là tư duy.” Về sau luận Lại giải thích: “Bởi vì hiển bày về

pháp lạc của mình, cho nên không thuyết pháp, do đó biết rằng bảy ngày thứ nhất chắc chắn không thuyết pháp mà thôi. Còn Hội thứ tám cũng không phải là thời gian sau, tại sao có thể đối với một Bộ kinh, trong thời gian trước đã thuyết ra một nửa, thời gian giữa lại thuyết về các kinh khác, thời gian sau mới tiếp tục thuyết phần còn lại, lẽ nào làm cho Đức Phật không có lực của Đà-la-ni thì không thể nào nhất niệm thuyết ra tất cả các pháp, mà Kỳ Viên-Thu Tử đều là chín đời hòa vào với nhau hay sao?” Văn sau nói: “Tất cả đời kiếp quá khứ an trí vào vị lai-hiện tại, tất cả đời kiếp vị lai trở lại đưa vào đời quá khứ.” Lại nói: “Ở trong một niệm kiến lập tất cả Phật sự của ba đời, cho đến nói rộng ra.” Những văn như vậy khắp nơi đều có, lẽ nào Thu Tử-Kỳ Hoàn mà không phải loại này hay sao? Vì vậy biết rằng kinh này chắc chắn là đã thuyết ra trong bảy ngày thứ hai.

Hai: Thâu nhiếp trước sau, có ba lớp: a) Vào thời gian của bảy ngày thứ hai này tức là thâu nhiếp tám Hội, đồng thời mà thuyết ra; nếu như vậy thì tại sao Hội có trước sau, nghĩa là giống như in ấn chữ viết, lúc đọc thì có trước sau, mà in ấn trên giấy thì cùng trong một lúc.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao Trùng Hội có thể thành tựu?

Đáp: Trùng Hội cũng cùng trong một lúc, bởi vì không có gì ngăn ngại, giống như ánh sáng của những ngọn đèn hòa vào với nhau..., còn lại Bất Động hay Thăng Thiên... dựa theo giải thích có thể biết. b) Ngay thời gian này thâu nhiếp trước sau ấy tất cả vô lượng kiếp không có kiếp nào không đều cùng tận, bởi vì đây là thời gian của Giải thoát Bất tư nghị. c) Thâu nhiếp đối với trùng trùng vô lượng niệm kiếp, bởi vì giống như Nhân-đà-la vông thâu nhiếp trùng trùng vô tận.

Ba: Hiển bày sai biệt: Dựa vào kinh Phổ Diệu thì bảy ngày thứ hai ở tại vườn Nai (Lộc Dã Viên) vì năm người ấy ba lần Chuyển bốn Đế, đây là chỉ riêng Tiểu thừa. Dựa vào kinh Mật Tích Lực Sĩ thì bảy ngày thứ hai ở tại vườn Nai vì vô lượng Đại chúng mà chuyển Pháp luân, lúc ấy có người đạt được A-la-hán, Bích-chi Phật đạo, Bồ-tát đạo..., đây là đầy đủ Tam thừa. Dựa vào kinh này thì bảy ngày thứ hai ở dưới tán cây Bồ-đề (Thọ Vương) vì Hải hội Bồ-tát mà chuyển Pháp luân Vô tận, rõ ràng là Nhất thừa.

Ba thời gian giống nhau trên đây, dựa theo pháp biểu hiện về Bản và Mạt cùng một thời gian, dựa theo con người hiển bày về cơ cảm đều khác nhau. Dựa vào kinh Pháp Hoa thì bảy ngày thứ ba, theo luật Tứ Phần thì bảy ngày thứ sáu, theo kinh Hưng Khởi Hạnh thì bảy ngày thứ bảy, theo luật Ngũ Phần thì bảy ngày thứ tám, theo luận Trí Độ thì bảy

ngày thứ năm mươi, theo kinh Thập Nhị Du thì một năm mới thuyết ra. Đây đều là cơ duyên của Mạt giáo khác nhau nên nghe pháp khác nhau, vì thế khiến cho không giống nhau. Cơ duyên của Bốn giáo nhất định, cho nên chỉ có bảy ngày thứ hai.

Bốn: Biểu thị về pháp: Trong luận Thập Địa nói: “Thời-Xứ... là so sánh hiển bày rõ ràng về nơi chốn thù thắng, cho nên pháp thù thắng này vốn thuyết ra ở Thời thứ nhất và Xứ thù thắng.” Điều này có ba nghĩa: a) Kinh này thuộc về Thời thứ nhất là biểu thị cho Bốn pháp thù thắng; b) Mạt giáo cũng cùng biểu thị cho Mạt không tách rời Bốn; c) Hiển bày về Bốn không phải là Mạt cho nên thời gian chắc chắn là bảy ngày thứ hai chứ không có thuyết nào sai khác.

Trong phần sau là hiển bày về nơi chốn, đưa ra năm môn: Một, Xác định nơi chốn; Hai, Phân rõ dung nhiếp; Ba, Hiển bày sai biệt; Bốn, Tổng quát biểu thị về pháp; Năm, Riêng biệt hiển bày về Xứ-Hội.

Một: Xác định nơi chốn. Hỏi: Nơi thuyết kinh này là Tịnh độ hay là Nhiễm độ? Giả sử như vậy thì có gì sai, cả hai đều có sai lầm, vì sao? Bởi vì nếu là Tịnh độ, thì tại sao văn trước nói là nước Ma-kiệt-đề, văn sau lại nói như vậy Diêm-phù-đề ở thế giới hệ (Tứ thiên hạ) này...? Vì vậy nên biết không phải là Tịnh độ. Nếu là Nhiễm độ thì tại sao văn sau nói Liên Hoa Tạng thế giới hải này xuất hiện sáu loại-mười tám tướng chấn động...? Rõ ràng biết rằng kinh này không phải thuyết ở Nhiễm độ. Trái ngược nhau như vậy thì xác định như thế nào? Đáp: Chỉ dựa vào kinh này thì Nhiễm độ và Tịnh độ hòa hợp cùng nhau nhiếp lẫn nhau có bốn câu phân biệt: 1) Hoặc là chỉ có Sa-bà thế giới, bởi vì Bốn thuận theo Mạt; 2) Hoặc là chỉ có Hoa Tạng thế giới, bởi vì Mạt thuận theo Bốn; hai câu này phân rõ như trên. 3) Hoặc là cả hai hiện rõ, bởi vì dựa vào Hoa Tạng mà có Sa-bà, tướng Nhiễm-Tịnh phân biệt, cho nên Mạt dựa vào Bốn, như văn sau nói: “Thế giới Sa-bà trong thế giới Hoa Tạng.” Câu này nói đến điều đó. 4) Hoặc là Nhiễm-Tịnh cả hai bật dứt, bởi vì dựa vào quả hải không thể nào diễn tả được. Bốn câu trên đây hợp lại làm một Độ, hòa hợp thâm nhiếp vô ngại thuận theo diễn tả đều được.

Hai: Phân rõ dung nhiếp, cũng có ba lớp: a) Dưới tán cây Bồ-đề (Giác thọ) này đã thâm nhiếp tám Hội trong cõi người và trên cõi trời, cho nên đều nói là không lìa xa nơi này; b) Thâm nhiếp mười phương không bỏ sót quốc độ nào, mà hoàn toàn không lìa xa dưới tán cây Bồ-đề này; c) Thâm nhiếp trùng trùng quốc độ vào trong một vi trần-đầu mây lông..., giống như lưới giăng của Đế Thích không có cùng tận, bởi

vì đều là phạm vi thâm nhiếp của Liên Hoa Tạng giới này.

Ba: Hiển bày sai biệt, như vậy nơi chốn Đức Phật thuyết kinh có ba loại: a) Chỉ có mười sáu nước lớn trong thế giới này, là nơi Hóa thân thuyết kinh, đây là gồm chung Giáo của Tiểu thừa và Tam thừa. a) Chỉ có các Tịnh độ vi diệu trong mười tám Tịnh độ thọ dụng viên mãn ở ngoài thế giới này, là nơi Báo thân Phật thuyết kinh, như kinh Phật Địa..., Tịnh độ vi diệu này không phải ba cõi thâm nhiếp, mà cũng không lìa xa, bởi vì rộng khắp tất cả mọi nơi, đây là gồm chung thuyết về Tam thừa và Nhất thừa. c-Nhiễm và Tịnh viên dung, như lưới giăng của Đế Thích vô tận trong phạm vi Hoa Tạng thế giới, là nơi mười vị Phật thuyết kinh, Y-Chánh dung thông tự nhiên có đủ ba thế gian, đây là nơi chỉ thuyết về Biệt giáo Nhất thừa. Nay ở đây đã phân rõ chính là chỉ có một loại sau, thâm nhiếp đầy đủ hai loại trước, bởi vì Bản và Mặt ấy không tách rời nhau.

Bốn: Tổng quát biểu thị về pháp, nhờ vào nơi chốn thù thắng này để biểu thị về pháp thù thắng. Trong Địa Luận nói: “Pháp thù thắng này thuyết ở nơi chốn thù thắng.” Thuyết có hai môn: Một là tổng quát, hai là riêng biệt. Phần tổng quát có ba lớp: a) Dưới tán cây Bồ-đề này đạt được Bồ-đề cho nên không rời khỏi nơi này mà thuyết, rõ ràng biểu thị sở thuyết giống như sở đắc, không phải theo cơ duyên khác nhau có thay đổi, như thuyết ở vườn Nai... b) Dựa vào Liên Hoa Tạng giới viên dung, biểu thị về sở thuyết làm thông suốt tánh thù thắng viên mãn. c) Dựa vào nơi lưới giăng của Đế Thích trùng trùng như vậy để biểu thị sở thuyết cũng trùng trùng vô tận, như Giải thoát Bất tư nghị... Ba lớp này bao gồm tám Hội cho nên gọi là tổng quát.

Năm: Riêng biệt hiển bày về Xứ-Hội, có hai: a) Dựa theo Phật hưởng về cơ, riêng biệt có tám Hội; b) Dựa theo Bồ-tát cầu pháp có năm mươi bốn Hội.

Trong phần a: Hội thứ nhất ở dưới tán cây Bồ-đề nơi đạo tràng Tịch Diệt thuộc nước Ma-kiệt-đề, Trung Hoa gọi là nước Bất Hại. Ở một Hội này cũng có tổng quát-có riêng biệt, thông suốt các Hội khác được gọi là tổng quát, vì thế văn sau nói: “Dưới tán cây Bồ-đề trên đỉnh núi Tu-di...” Do đó Hội thứ nhất này tức là nơi chốn tổng quát. Như sau đã nói, trong tất cả mười câu đều lấy câu thứ nhất làm tổng quát và chín câu còn lại làm riêng biệt; chính là nói đến nghĩa này. Môn tổng quát biểu thị về pháp như trước đã hiển bày, riêng biệt nêu ra Hội này thuyết về pháp của quả đức, cho nên dựa vào nơi chốn đạt được quả này dùng để biểu thị về pháp.

Hội thứ hai ở Pháp đường Phổ Quang thuộc nước Ma-khệt-đề. Tây Vực tương truyền rằng: “Pháp đường này cách cây Bồ-đề về hướng Đông Nam khoảng hai-ba dặm, nằm trong khúc cong của sông Ni-liên-thiên, các loài rồng vì Đức Phật mà tạo nên. Như Lai từ trong đó phát ra ánh sáng nối tiếp theo nhau (tương luân), chiếu rọi khắp vô biên thế giới mười phương, vì vậy gọi nơi này là Phổ Quang Pháp Đường.” Trong này biểu thị cho thuyết về Tín-Hạnh mà che phủ rộng khắp cho hàng sơ cơ.

Hội thứ ba ở tại cung điện Diệu Thắng trong cung trời Đế Thích trên đỉnh núi Tu-di. Tu-di, Trung Hoa nói là núi Diệu Cao, nghĩa là do bốn thứ báu mà tạo thành cho nên gọi là Diệu, vượt lên sừng sững giữa các núi khác cho nên nói là Cao. Biểu thị ở nơi này đã thuyết về Thập Trú Bất Thối tận cùng đến đỉnh núi vượt lên trên phạm phu-Tiểu thừa nhờ vào pháp thù thắng vi diệu.

Hội thứ tư ở tại cung điện Bảo Trang Nghiêm thuộc cung trời Dạ-ma. Dạ-ma gọi là Thời, hoặc nói là Thiện Tri, biểu thị cho thuyết về Thập Hạnh thường xuyên tu tập tiến lên, công đức thù thắng tô điểm cho nhau, vì thế nhờ vào cung điện này để thuyết kinh.

Hội thứ năm ở tại cung điện Nhất Thiết Bảo Trang Nghiêm thuộc cung trời Đâu-suất-đà. Đâu-suất, Trung Hoa nói là Hỷ Túc, biểu thị cho thuyết về Thập Hội Hương, phần vị thế gian đầy đủ, thành tựu công hạnh Hỷ Túc, thâm nhiếp phẩm đức đa văn nhờ vào cung điện Nhất Thiết Bảo này.

Hội thứ sáu ở tại cung điện Ma-ni Bảo Tạng thuộc cung trời Tha Hóa Tự Tại, biểu thị cho thuyết về Thập Địa đã chứng được Chân Như không phải do tự mình mà làm ra. Lại biểu thị cho nhân tròn vẹn tận cùng trên đỉnh của cõi Dục, chứng trí Ma-ni mà phát ra ánh sáng A-hàm, vốn nhờ vào cung điện này.

Hội thứ bảy trở lại ở Pháp đường Phổ Quang, biểu thị ở Hội này đã thuyết về pháp hành của sáu phần vị dựa vào Tín-Hạnh trước đây... thâm nhiếp tròn vẹn đầy đủ tất cả, vì thế cho nên Trùng Hội ở nơi này.

Hội thứ tám ở tại giảng đường Trùng Các trong tinh xá Kỳ Hoàn (Kỳ Thọ-Cấp Cô Độc Viên) thuộc nước Xá-vệ, là biểu thị cho Thể tánh kỳ lạ-công dụng lợi ích chúng sinh của pháp môn Pháp Giới đã hiển bày, Dụng dựa vào Thể mà khởi lên tựa như lầu gác lớp lớp được tạo thành, cho nên dựa vào nơi này.

Hỏi: Bắt đầu từ loài người hướng lên phía trên, theo thứ tự thì trước phải đến Tứ Thiên Vương Thiên, vượt qua cõi ấy mà lên cao trên

cõi trời Đao-lợi có ý gì khác biệt?

Đáp: Thập Tín nhờ vào giữa loài người, Thập Trú mới ở trên đỉnh núi, Tín là Bồ-tát ngoại phạm có lui sụt, Trú là Hiền nhân không lui sụt, bởi vì muốn biểu thị cho hai phần vị Hiền-Ngu tiến tới và lùi lại khác nhau xa, nhờ vào vượt qua xứ sở của Tứ Thiên Vương này.

Hỏi: Pháp hội ở Đâu-suất kết thúc theo thứ tự đến Hóa Lạc, vượt lên cao trên Tha Hóa lại có ý gì?

Đáp: Phần vị ở Đâu-suất là Thập Hội Hương, tương tu tập ở thế gian đã hết và đi đến Tha Hóa có mười bậc, nay chứng được Chân Như xuất thế, thế gian và xuất thế gian đã trở thành khác biệt, Hữu lậu và Vô lậu có khác nhau, tu Giả-chứng Chân cách xa nhau, cho nên biểu thị vượt lên trên Hóa Lạc.

Hỏi: Sao phải Trùng Hội, lại vì nghĩa gì mà chỉ có Hội ở Phổ Quang?

Đáp: Phổ Quang là Hội đầu tiên của khởi Tín, trải qua phần vị đến tại Tha Hóa. Nay trình bày về hạnh của trong phần vị, thực hành tu tập thuận theo đầu tiên, lý đương nhiên Hội ở nơi này; chỉ vì phần vị cách xa nhau, dựa theo Giải-nhờ vào Hội có lên cao xuống thấp, Hành dựa vào Lý sâu xa, một phần vị thâm nhiếp lẫn nhau, cho nên chỉ Hội ở nơi này.

Trong phần b: Hội dựa theo Bồ-tát cầu pháp, như Đồng tử Thiện Tài ở nơi Đại tháp miếu trong rừng Sa La phía Đông thành Giác, Văn Thù Sư Lợi đầu tiên vì các Đại chúng và Đồng tử Thiện Tài mà thuyết pháp là một Hội, như vậy theo thứ tự cho đến cuối cùng. Bồ-tát Phổ Hiền ở nơi đạo tràng Kim Cang Tạng, vì Đại chúng và Thiện Tài... mà hiện rõ thân mây pháp giới để thuyết pháp, là Hội thứ năm mươi bốn cuối cùng. Vì vậy nối thông với trước toàn bộ có sáu mươi hai Hội. Đây là dựa vào một phương mà nói; nếu như luận về kết hợp tất cả mười phương thế giới, thì tất cả các Hội-Xứ sẽ là vi trần-vi trần số lượng như hư không pháp giới...

Phần năm, Phân rõ và xác định về Giáo chủ, cũng đưa ra năm môn: Một, Xác định về thân Phật; Hai, Trình bày về dung nhiếp; Ba, Hiện bày về sai biệt; Bốn, Biểu thị về pháp; Năm, Trình bày về nghiệp dụng.

Một: Xác định về thân Phật. Hỏi: Phật ở tám Hội này là những thân nào? Đáp: Có người Giải thích rằng: “Là Hóa thân Phật, bởi vì tám tướng Thành Đạo dưới tán cây Bồ-đề là Hóa thân, không xa rời mà lên trên cõi trời là tiếp tục Hóa thân, bởi vì tên gọi khác của Thích-ca gọi

là Lô-xá-na chứ không phải là Báo thân nào khác.” Lại có người Giải thích rằng: “Phật thuyết kinh này là Thật Báo thân, bởi vì là thân Pháp giới của Lô-xá-na vốn cư trú trong Tịnh độ Liên Hoa Tạng, cho nên sau Hội thứ bảy mới ca ngợi Đức Phật có hai mươi một loại công đức thù thắng ấy, là Thật Báo thân, nhưng bởi vì không xa rời Hóa thân mà đầy đủ dưới tán cây này, chứ không phải là Hóa thân.” Nay giải thích về thân Phật này dựa theo trong văn sau thì chính là thân của mười vị Phật, bao gồm ba thế gian, bởi vì thuyết về Thập Tín và Tam Hiền... mà Địa Tiên đã nhìn thấy không phải là Thật Báo. Nhưng cư trú tại Liên Hoa Tạng không phải là Hóa thân, vốn là thân như Quốc độ... chứ không phải là hai thân trước; thân nhiếp đầy đủ hai thân trước, bởi vì tánh dung thông; đầy đủ Chủ-Bạn, bởi vì như lưới giăng của Đế Thích, cho nên chỉ là thân rộng khắp pháp giới của mười vị Phật.

Hai: Trình bày về dung nhiếp, có hai: a) Thắng thân nhiếp hết tất cả ba thế gian, bởi vì có đủ ba sự việc này mới là Phật, cho nên ba thân Phật-hai thân Phật, chỉ là Trí chánh giác thân nhiếp trong ba thế gian, các Tịnh độ vi diệu và Thân đồng sinh, tất cả đều là do trong này đã thân nhiếp. b) Ở trong lỗ chân lông của Chánh báo và trong mây trần của Y báo, đều đầy đủ trùng trùng, thân nhiếp tất cả các pháp như ba thế gian ấy..., giống như lưới giăng của Đế Thích hiện rõ, dựa theo tư duy có thể thấy.

Ba: Hiện bày về sai biệt: Một thân Thích-ca này tùy theo vô lượng cơ duyên mà có nhiều loại sai biệt. Hoặc giống như phàm phu mà không phải Thánh, như trông thấy thân cho đến chân của voi đen ba thước và thân của Thọ Thần...; đây là dựa theo phần vị của trời-người. Hoặc là Thánh mà không phải phàm, bởi vì cùng là thân của Thánh nhân La-hán. Hoặc cũng là phàm-cũng là Thánh, bởi vì là thân Thật Báo do cha mẹ sinh ra, bốn Đại tạo thành cho nên giống như thân phàm phu, đầy đủ năm phần Pháp thân-các lậu không còn cho nên là Thánh. Hoặc là không phải phàm-không phải Thánh, bởi vì đều là ba thân của Đại thừa thân nhiếp, không phải giống như Thánh nhân La-hán Tiểu thừa. Hoặc là Hóa thân chứ không phải Pháp thân-Báo thân, bởi vì có đủ tám tướng thuộc về Diêm-phù-đề, sắc tướng rất khác biệt so với thân Thật Báo ấy, như kinh Phạm Võng... giải thích; đây là dựa theo Sơ giáo. Hoặc là Báo thân chứ không phải Pháp thân-Hóa thân, ngay thân này có đủ hai mươi một loại công đức thù thắng, thân Thọ dụng vốn có như đầu kinh Phật Địa đã nói; đây là dựa theo Chung giáo. Hoặc là Pháp thân chứ không phải Báo thân-Hóa thân, bởi vì Sắc chính là Như, trong kinh nói:

“Thân này của Ta bây giờ chính là Pháp thân.” Đây là dựa theo Đốn giáo. Hoặc cũng là Pháp thân cũng là Báo thân-Hóa thân, như ba thân đã nói ở trước. Hoặc không phải Pháp thân-không phải Báo thân-Hóa thân, bởi vì chính là mười vị Phật, vốn bao gồm ba thế gian, vốn đầy đủ Chủ-Bạn, như văn sau kinh này giải thích. Đây là dựa theo Viên Giáo. Vì vậy cho nên thân Thích-ca này viên dung vô ngại rất khó nghĩ bàn.

Bốn: Biểu thị về pháp: Như vậy Phật thuyết pháp tổng quát có bốn phần vị: a) Phật thuộc thân La-hán, biểu thị cho thuyết về Tiểu thừa; b) Hóa thân Phật, biểu thị cho thuyết về Tam thừa, mở rộng thuyết về Địa Tiên và tóm lược thuyết về Địa Thượng; c) Báo thân Phật, biểu thị cho thuyết về Tam thừa, mở rộng thuyết về Địa Thượng và tóm lược thuyết về Địa Tiên; d) Mười thân Phật, biểu thị cho Nhất Thừa, sáu phần vị đồng thời tuyên thuyết. Vì vậy đã thuyết về pháp vô tận đầy đủ Chủ-Bạn, cho nên Phật cũng là pháp vô tận giống như mười thân này.

Năm: Trình bày về nghiệp dụng. Hỏi: Văn sau nói: “Không rời xa tán cây Bồ-đề mà lên trên cõi trời Đao-lợi...”, tại sao không rời xa mà có thể lên trên cõi trời? Đáp: Có người Giải thích rằng: “Thân vốn có của Thích-ca không rời xa tán cây Bồ-đề, lại hiện bày Hóa thân dùng để lên trên cõi trời. Vậy thì thân vốn có của Thích-ca hoàn toàn không hề lên trên cõi trời, thân lên trên cõi trời không phải là Thích-ca vốn có. Ý kinh không phải như vậy, cho nên không thích hợp.” Lại có người Giải thích rằng: “Không rời khỏi là Pháp thân, lên trên cõi trời là tác dụng của Hóa thân. Điều này e rằng không hợp lý, lẽ nào có thể là Pháp thân ngồi nơi tán cây Bồ-đề hay sao?” Lại có người Giải thích rằng: “Ở đây lên trên cõi trời chính là không đến mà đến, bởi vì đến tức là không đến, cho nên không rời khỏi; không đến tức là đến, cho nên lên trên cõi trời. Giống như tướng không đến mà đến gọi là Thiệt Lai...” Nếu dựa vào cách giải thích này, thì chỉ là không có tướng lên cao mà lại lên trên cõi trời, không phải là dưới tán cây Bồ-đề có thân không rời khỏi, do đó cũng khó mà sử dụng.

Nay giải thích văn này sơ lược có tám nghĩa:

1) Dựa theo nơi chốn mà tìm được lối vào, nghĩa là bởi vì trong một nơi chốn có tất cả nơi chốn, cho nên những cung trời này ngay từ ban đầu ở dưới tán cây Bồ-đề ấy, do đó nói là không rời khỏi. Nhưng trước đây không sử dụng nơi chốn của cung trời này, nay muốn vào trong đó dùng làm nơi thuyết pháp, cho nên nói là lên cao. Vả lại, ngay trong nhau cho nên không rời khỏi môn riêng biệt mà có lên cao.

2) Dựa theo Phật, nghĩa là thân Phật ngồi dưới tán cây Bồ-đề này

mà chính là thân có khắp tất cả mọi nơi trong pháp giới, vì vậy thân Phật ban đầu ở tại xứ sở như Đao-lợi... ấy, cho nên không cần phải rời khỏi. Nay muốn sử dụng thân Phật trong cõi Đao-lợi này, cho nên nói là lên cao, vì vậy nếu rời khỏi thì không trở thành lên cao.

3) Dựa theo thời gian, nghĩa là bởi vì thân Phật trên pháp tòa dưới tán cây Bồ-đề này đã bao trùm tất cả thời gian thuộc chín đời-mười đời như phạm vi trước sau..., cho nên thân Phật này lúc ngồi dưới tán cây Bồ-đề, lúc lên trên Thiên cung, lúc đến cõi trời, từng lúc từng lúc đều là khắp nơi pháp giới, thấu nhiếp toàn bộ thời gian trước sau, thì biết là lúc ngồi dưới tán cây Bồ-đề vĩnh viễn không có lúc nào rời khỏi, cho nên nói là không rời khỏi. Nếu lúc đích thực rời khỏi thì cũng như vậy, cho nên chỉ có rời khỏi, chứ không có gì khác, đều là niệm niệm không có tướng đi đến, tất cả đều thu vào pháp giới, như vậy môn duyên khởi không có chướng ngại mà luôn luôn không xa rời.

4) Dựa theo Pháp giới môn, nghĩa là lên cao rời khỏi nơi này không có tự tánh cho nên đã thấu nhiếp Chân Như pháp giới, bởi vì ngồi dưới tán cây Bồ-đề ấy... cũng không khác với Chân Như mà cùng là Chân Như, ở môn trước hiển bày rõ ràng cho nên không rời khỏi mà lại lên cao.

5) Dựa theo Duyên khởi môn, nghĩa là ngồi căn cứ vào đi cho nên ngồi, ngồi quyết định ở trong đi; đi căn cứ vào ngồi cho nên đi, đi quyết định ở trong ngồi. Vì vậy căn cứ vào ngồi trong đi, cho nên lên trên cõi trời mà không rời khỏi; căn cứ vào đi trong ngồi, cho nên không rời khỏi mà lên trên cõi trời. Bởi vì đi và ngồi không ngăn ngại, tức là lên cao mà luôn luôn ngồi, vẫn cứ ngồi mà luôn luôn lên cao.

6) Dựa theo đức không nghĩ bàn của Phật, nghĩa là cho dù không rời khỏi mà ngồi nơi này tức là đi, tức là nằm, tức là đứng, tức là đến tất cả mọi nơi, tức là làm tất cả mọi việc, hoàn toàn không phải là Địa dưới mà biết được.

7) Dựa theo pháp đã biểu thị, nghĩa là biểu thị cho hạnh của phần vị trước thành tựu cứu cánh kiên cố bất hoại, cho nên nói là không rời khỏi chỗ ngồi trước đây, nhưng mà có Dụng đến với căn cơ, cho nên nói là lên cao.

8) Dựa theo Hội thành tựu, nghĩa là Hội sau nhất định phải đầy đủ Hội trước, không rời bỏ Hội trước mà thành tựu Hội sau. Nếu rời bỏ Hội trước thì làm hỏng duyên khởi, vì thế cho nên trước không rời khỏi mà sau lên cao.

Phần sáu, Trình bày về số lượng Hội chúng sai biệt, đưa ra mười

môn: Một, Trình bày về số lượng Hội chúng; Hai, Các Hội chúng mới cũ; Ba, Xác định về căn khí; Bốn, Thế và xuất thế; Năm, Giới thú; Sáu, Các Thừa; Bảy, Quyền Thật; Tám, Phần vị của Địa; Chín, Biểu thị về pháp; Mười, Nhân quả.

Một: Trình bày về số lượng Hội chúng nhiều ít: Nghĩa là Hội thứ nhất này có năm mươi lăm chúng, bắt đầu từ Phổ Hiền đến chúng Ma-hê là ba mươi bốn chúng, lại từ Thiện Hải trở về đến Phổ Hiền là mười tám chúng, cùng với trước tổng cộng là năm mươi hai chúng. Nội chúng Hải Tuệ cùng với mười phương mới tụ hội, và chúng Thắng Âm cùng với trước tổng cộng là năm mươi lăm chúng. Trong Hội thứ hai có hai chúng mới và cũ, cùng với trước tổng cộng là năm mươi bảy chúng. Hội thứ ba và Hội thứ tư đều có hai chúng Thiên Vương và Bồ-tát, cùng với trước tổng cộng là sáu mươi một chúng. Trong Hội thứ năm, trong phẩm Thắng Thiên có năm mươi hai chúng, và chúng vân tập, cùng với trước tổng cộng là một trăm mười bốn chúng. Trong Hội thứ sáu có hai chúng Đồng sinh-Dị sinh, và Hội thứ bảy có một chúng, cùng với trước tổng cộng là một trăm mười bảy chúng. Trong Hội thứ tám có ba chúng Bồ-tát, Thanh văn và Thiên Vương, cùng với trước thì trở thành một trăm hai mươi chúng. Ở trong mỗi một chúng, hoặc là dùng trần số thế giới của mười vị Phật làm số lượng, như vậy số lượng Hội chúng đều không có phạm vi giới hạn, nhưng nghĩa này tạm thời dựa theo trong phạm vi tám Hội của một thế giới này mà nói. Nếu nối thông tất cả thế giới trong hư không pháp giới mười phương, tất cả đều có vô biên chúng Hội này, hòa vào nhau trùng trùng giống như lưới giăng vô tận của Đế Thích, thì Bất khả thuyết-bất khả thuyết. Đây gọi là chúng của Hải hội Hoa Nghiêm.

Hai: Các Hội chúng mới cũ: Hoặc là chỉ có cũ mà không có mới, giống như Hội thứ sáu và Hội thứ bảy. Hoặc là chỉ có mới mà không có cũ, giống như Hội thứ ba-Hội thứ tư và Hội thứ năm. Hoặc là cũng có mới-cũng có cũ, giống như Hội thứ nhất-Hội thứ hai và Hội thứ tám. Ý còn lại đều như dưới đây nói trong phần Tập Chúng.

Ba: Xác định về căn khí: Nói chung nêu ra các chúng có ba nghĩa: a) Chúng đương cơ; b) Chúng ảnh hưởng; c) Chúng dựa vào pháp. Nay ở đây bao gồm ba chúng.

Bốn: Thế và xuất thế, có bốn nghĩa: Hoặc đều là thế gian, bởi vì hiển bày rõ ràng trong thời gian, lại vốn là một trong ba thế gian. Hoặc hoàn toàn là xuất thế gian, bởi vì công hạnh và phẩm đức ấy không phải là thế gian thâm nhiếp. Hoặc cũng là thế gian-cũng là xuất thế gian,

bởi vì có đủ hai nghĩa trước. Vả lại, luận theo tướng, đầu tiên như Phổ Hiền... là xuất thế gian, còn lại vốn là thế gian. Hoặc không phải thế gian-cũng không phải xuất thế gian, bởi vì đều là thế gian và xuất thế gian thâm nhiếp. Do đó, chúng này bao gồm ba phần vị ấy và có đủ bốn câu phân biệt này.

Năm: Giới thứ: Ở trong ba cõi(Giới) trừ ra cõi trời Vô Sắc, bởi vì thuận theo tướng dựa vào pháp, cho nên không phải là thù thắng; như kinh Nhân Vương cũng có cõi trời Vô Sắc... Trong năm nẻo(Thú) trừ ra chúng địa ngục, bởi vì chúng ấy hết sức đau khổ, dựa vào tướng hiển bày về pháp, cho nên cũng không phải thù thắng; như kinh Đà La Ni cũng có chúng này. Lại không có chúng Nhân Vương, bởi vì hiển bày lẫn nhau chứ không phải khác lạ. Hoặc là Bồ-tát ngay nơi chúng loài người, hoặc chỉ nêu ra chúng Đế Vương; như sau nói về mười tám chúng bởi vì biểu thị cho pháp tự tại. Hoặc bao gồm Vương và Thần(quan lại), như ở đây nói trong ba mươi bốn chúng, bởi vì đầy đủ Chủ-Bạn.

Sáu: Các Thừa, trong Đại Trí Luận nói: “Nếu là kinh Tiểu thừa thì đầu tiên chỉ nêu ra chúng Thanh văn, nếu là kinh Đại thừa thì đầu tiên nêu ra đầy đủ hai chúng Bồ-tát và Thanh văn. Dựa theo nghĩa như vậy, nếu là kinh Nhất thừa thì đầu tiên chỉ nêu ra chúng Bồ-tát.” Vì lẽ đó biết rằng luận ấy lấy kinh Đại Phẩm... làm Cộng giáo, tách biệt chỉ ra Hoa Nghiêm làm Bất cộng giáo, bởi vì không thuyết giảng chung với Thanh văn.

Vả lại ba môn trên đây đều có hai cách nói. Trong môn một, có hai: 1) Nếu bởi vì thành tựu Tiểu thừa giáo đạt được quả vị Tiểu thừa..., thì chỉ nêu ra Thanh văn, đây là Tiểu thừa ngu muội về pháp, như kinh A Hàm... giải thích; 2) Bởi vì quay lại với Tiểu thừa hiển bày về căn cơ đã che phủ, chỉ nêu ra Thanh văn, là giáo hồi tâm thuộc Đại thừa, như đầu kinh Kim Cang Bát Nhã phân rõ. Trong môn hai đầy đủ hai chúng, cũng có hai: 1) Hoặc là trước nêu ra Thanh văn, sau nêu ra Bồ-tát, đây là bao gồm ba giáo Thỉ-Chung và Đốn, như kinh Tịnh Danh... phân rõ; 2) Hoặc là trước nêu ra Bồ-tát, sau nêu ra Thanh văn, đây là bao gồm Đốn giáo và Đồng giáo, như kinh La Ma Già, kinh Duy Lô Vương, kinh Hòa Hưu... phân rõ. Trong môn ba chỉ nêu ra Bồ-tát, cũng có hai: 1) Tuy chỉ nêu ra Bồ-tát nhưng Chủ-Bạn không đầy đủ, là Đồng giáo thuộc Nhất thừa, như kinh Thập Nhất Diện... phân rõ; 2) Nếu Chủ-Bạn đầy đủ thì chính là Biệt giáo thuộc Nhất thừa, như kinh này giải thích.

Bảy: Quyền Thật: Nếu dựa theo Tam thừa thì Phật ở thế giới Sa-bà này, Tạng chúng là Thật, bởi vì Thật Báo sinh ra; Bồ-tát là Quyền,

bởi vì phương tiện mà hiện ra. Như kinh nói: “Các Bồ-tát ấy ẩn kín năng lực tự tại vô lượng của mình...” Hoặc Bồ-tát là Thật, bởi vì Địa tiền Bồ-tát hãy còn sinh vào quốc độ này; Tạp chúng là Quyền. Dựa vào kinh Đại Tập thì đều là các Đại Bồ-tát ở phương khác thay hình đổi dạng mà làm ra. Nếu như Phật ở Tịnh độ thì Bồ-tát chỉ là Thật, bởi vì Thật Báo sinh ra; Tạp chúng là Hóa, bởi vì không phải Thật có. Luận nói: “Trong quốc độ thọ dụng thật sự không có những chúng sinh này, muốn làm cho Tịnh độ không trống rỗng cho nên hóa hiện ra nhiều loại chúng sinh như vậy.” Nếu trong Nhất thừa thì Phật ở tại Hoa Tạng giới này, Bồ-tát và Tạp chúng hoặc đều là Thật, bởi vì hiện rõ ra trong Định Hải Ấn này, do Thật đức thâm nhiếp; hoặc đều là Quyền, bởi vì tùy duyên mà hiện rõ. Nghĩa còn lại tư duy theo đó biết được.

Tám: Trình bày về phần vị: Nếu dựa theo Tam thừa thì các chúng Phổ Hiền... này đều là Bồ-tát từ Thập Địa trở lên, chúng Thần Vương ấy đã phân nhiều là tùy loại chúng sinh thâm nhiếp, tức là từ Địa thứ tám trở lên. Nếu như phạm vi duyên khởi trong Nhất thừa, thì các phần vị đều như nhau, vì vậy một người đầy đủ năm phần vị, mỗi một phần vị đều thu nhận khắp nơi dựa theo đó.

Chín: Biểu thị về pháp: Nếu trong Tam thừa thì chỉ dựa vào con người để hiển bày về pháp, nhưng con người không phải là pháp. Nếu trong Nhất thừa thì các pháp này cùng với những con người đều là pháp môn duyên khởi pháp giới, lại một chúng này tức là bao gồm ba thế gian, bởi vì hoặc làm thân quốc độ như các loại sông hồ, khe suối, giếng nước..., còn lại có thể biết.

Mười: Nhân quả: Nếu như Tam thừa thì chỉ là phần vị của nhân. Nếu trong Nhất thừa thì hoặc đều là nhân, bởi vì chưa phải là Phật; hoặc đều là quả, bởi vì đều là trong Hải Ấn của Phật mà hiện rõ, lại nương theo lực giải thoát mà tiến vào trong biển Phật; hoặc bao gồm nhân quả, bởi vì dựa vào hai nghĩa trước; hoặc không phải cả hai, bởi vì lìa tánh bình đẳng. Tất cả như sau trong phần ca ngợi về đức phân rõ.

Phần bảy, Phạm vi giới hạn thừa thính-thuyết giảng trong các Hội, đưa ra bốn môn: Một, Trình bày về có-không có; Hai, Hiển bày về pháp đã thừa hỏi; Ba, Phân rõ về người chủ động thừa hỏi; Bốn, Nghi thức thừa hỏi.

Một: Trình bày về có-không có: Ở trong tám Hội thì hai Hội đầu và hai Hội sau có thỉnh cầu thừa hỏi, những Hội còn lại đều không có. Vì sao như vậy? Bởi vì Hội thứ nhất nêu lên quả-bắt đầu nhân cho nên có thừa hỏi, đầu Hội thứ hai là tìm nhân-đến quả cho nên thỉnh cầu thừa

hỏi, chỉ là hành vị lên cao-xuống thấp trong nhân dựa vào năm Hội để trả lời, bởi vì quả vị không có hơn-kém cho nên ngay nơi Hội ấy để trả lời mà thôi. Nhưng trong các phẩm thuộc phạm vi năm Hội lại có thưa hỏi, đều là trong pháp đã thuyết giảng ngay Hội ấy thuận theo thuyết giảng mà thỉnh cầu thưa hỏi, không phải là thưa hỏi riêng biệt về tướng của phần vị Đại, bởi vì Hội thứ sáu là chỉ trả lời những điều thỉnh cầu thưa hỏi ở đầu Hội thứ hai. Trong Hội thứ bảy trình bày về nhân quả thành thực của hạnh, cho nên thỉnh cầu thưa hỏi, nghĩa là công hạnh tu tập không có gì ngăn ngại, do đó sáu phần vị nhanh chóng thành tựu, ngay nơi Hội ấy mà trả lời. Trong Hội thứ tám trình bày về nhân quả phù hợp với tánh, cho nên thỉnh cầu thưa hỏi, nghĩa là cùng tiến vào pháp giới không có gì sai biệt, cũng ngay nơi Hội ấy mà trả lời.

Hai: Hiển bày về pháp đã thưa hỏi: Trong Hội thứ nhất và Hội thứ tám vốn có pháp thuộc quả, mà phân biệt có pháp thuộc nhân, chỉ do niềm tin mà thâm nhiếp giáo hóa trở thành khác nhau. Hội thứ hai và Hội thứ bảy vốn có thưa hỏi về pháp thuộc nhân, chỉ phần vị của hành là khác nhau.

Ba: Phân rõ về người chủ động thưa hỏi không giống nhau: Hội thứ nhất và Hội thứ tám đều có hai chúng Đồng sinh-Dị sinh cùng nhau thưa hỏi, bởi vì pháp đã thưa hỏi là chúng cùng dựa vào. Hội thứ hai chỉ là chúng Bồ-tát Đồng sinh thưa hỏi, bởi vì đã tiến vào phần vị Đồng sinh thù thắng. Hội thứ bảy chỉ có một người là Phổ Tuệ thưa hỏi, bởi vì thành tựu công hạnh tu tập gọi là thành tựu riêng biệt.

Bốn: Nghi thức thưa hỏi, có hai: 1) Dựa theo ngôn niệm; 2) Dựa theo thông biệt.

Trong mục một, Dựa theo ngôn niệm, bàn chung về thỉnh cầu thưa hỏi có hai: a) Ngôn từ thỉnh cầu; b) Ý niệm thỉnh cầu. Trả lời cũng có hai: a) Ngôn từ giảng giải để trả lời; b) Biểu thị sắc tướng để trả lời. Hai mục thưa hỏi-trả lời này như thứ tự và đan xen nhau, có bốn câu phân biệt có thể biết, bởi vì thành tựu ba Tuệ mà có hai thể lệ này. Hai Hội đầu và Hội thứ tám chỉ là ý niệm thỉnh cầu, trả lời bao gồm hai phần vị, nghĩa là Phật có biểu thị sắc tướng để trả lời, Bồ-tát có ngôn từ giảng giải để trả lời, bởi vì hướng về Phật mà dấy lên thỉnh cầu, trên có thể biết-dưới không cần phải nói, là hiển bày tâm Phật có năng lực tiếp nhận nghi ngờ mà hiện rõ thân tướng để trả lời, hoàn toàn tự tại. Hội thứ bảy là ngôn từ thỉnh cầu và ngôn từ trả lời, bởi vì đối với Phổ Hiền vốn có dấy lên thưa hỏi, lại là Phổ Hiền trả lời.

Trong mục hai, Dựa theo thông biệt, Hội thứ nhất và Hội thứ tám

thì thưa hỏi riêng biệt mà trả lời tổng quát, Hội thứ hai và Hội thứ bảy thì thưa hỏi riêng biệt và trả lời riêng biệt, đều có thể biết.

Phần tám, Tam muội đã tiến vào, sơ lược đưa ra tám môn: Một, Phân rõ về phạm vi giới hạn; Hai, Có và không có; Ba, Trình bày về xuất nhập; Bốn, Hiển bày về nhân quả; Năm, Người nhập định; Sáu, Nghiệp dụng; Bảy, Ý nhập định; Tám, Song hành và không phải song hành.

Một: Trình bày về phạm vi giới hạn, có hai: Trước là tổng quát, sau là riêng biệt.

Tổng quát: Như vậy Nhân-Pháp-Giáo-Nghĩa... trong tám Hội này đều dựa vào Tam-muội Hải Ấn của Như Lai mà hiển bày rõ ràng, phẩm Hiền Thủ nói: “Tất cả thị hiện không có gì khác ngoài thế lực của Tam-muội Hải Ấn.”

Riêng biệt hiển bày: Hội thứ nhất tiến vào Tam-muội Tịnh Tạng của tất cả Như Lai, bởi vì không có Cấu nào không trừ sạch-không có Đức không quy tụ gọi là Tịnh Tạng, nêu lên quả khác với nhân gọi là Tam-muội của Như Lai. Hội thứ hai không nhập định. Hội thứ ba tiến vào Tam-muội Vô Lượng Phương Tiện của Bồ-tát, lý giải khéo léo nhiều cách gọi là Vô Lượng Phương Tiện, nêu lên nhân khác với quả gọi là Tam-muội của Bồ-tát. Hội thứ tư tiến vào Tam-muội Thiệu Phục, công hạnh có thể làm cho chướng ngại phải khuất phục khiến vĩnh viễn không dấy lên, gọi là Thiệu Phục. Hội thứ năm tiến vào Tam-muội Minh Trí, soi chiếu lý lẽ diệt trừ tối tăm cho nên gọi là Minh Trí. Hội thứ sáu tiến vào Tam-muội Đại Trí Tuệ Quang Minh, bước vào địa vị đích thực chứng đạt, vượt quá Tiểu nói là Đại, đối trị Vô minh gọi là Tuệ Quang Minh. Hội thứ bảy tiến vào Tam-muội Phật Hoa Nghiêm, điều hạnh mở ra đầy đủ-tô điểm hiển bày Chân Thể, nhân trang nghiêm-quả tròn đầy gọi là Phật Hoa Nghiêm. Hội thứ tám tiến vào Tam-muội Như Lai Sư Tử Phấn Tấn, nghĩa là hiển bày trạng thái của Đại Dụng hùng mãnh thuộc quả Phật, từ thí dụ nêu lên tên gọi cho nên lập thành đức hiệu này. Bảy loại nghiệp dụng trên đây khác nhau cho nên lập thành tên gọi sai biệt, Tâm một cảnh-Tánh đẳng trì không có gì sai khác, vì vậy tất cả đều gọi là Tam-muội.

Hai: Có và không có: Chỉ riêng Hội thứ hai không tiến vào Tam-muội, bởi vì vốn biểu thị cho pháp chưa thành tựu phần vị, các Hội còn lại biểu thị cho pháp của phần vị đã thành tựu. Nếu dựa vào Hải Ấn thì các Hội đều có.

Ba: Trình bày về xuất nhập: Chỉ riêng Hội thứ tám nhập Định rồi

không có xuất Định, biểu thị cho pháp giới có chứng đạt mà không có thay đổi. Lại hiển bày về Đại Dụng tự tại của quả Phật cho nên không cần phải xuất Định, các Hội khác thì không như vậy, vốn biểu thị cho dấy lên Hóa thân thuận với căn cơ, không giống như Dụng của quả Phật.

Bốn: Hiển bày về nhân quả, có bốn câu phân biệt: 1) Hoặc chỉ có Định thuộc quả, nghĩa là Hội thứ nhất và Hội thứ tám, bởi vì Hội thứ nhất thuyết về pháp của quả, Hội thứ tám vốn chứng lý sâu xa. 2) Hoặc chỉ có Định thuộc nhân, nghĩa là Hội thứ ba-thứ tư-thứ năm và thứ sáu, bởi vì những Hội ấy chỉ thuyết về pháp thuộc phần vị của nhân, phẩm Bát Tư Nghị... đã thuyết về pháp thuộc quả có chỗ dựa riêng biệt, không phải Định thuộc những Hội ấy. 3) Hoặc cũng là nhân-cũng là quả, nghĩa là Hội thứ bảy dùng Hoa Nghiêm thâm nhiếp làm nhân, Phật vốn là quả, bởi vì đã biểu thị cho pháp thuộc hạnh sâu xa có đủ nhân quả. 4) Hoặc không phải nhân-không phải quả, nghĩa là Hội thứ hai hoàn toàn không có Định.

Năm: Người chủ động nhập Định: Hội thứ nhất là Bồ-tát Phổ Hiền, bởi vì nhân Phổ Hiền trọn vẹn có thể hiển bày về quả Phật. Hội thứ hai là Văn Thù Sư Lợi, biểu thị cho Tín không có phần vị, cho nên không nhập Định. Hội thứ ba là Bồ-tát Pháp Tuệ, bởi vì biểu thị cho pháp thuộc Tuệ Giải của Thập Trụ. Hội thứ tư là Bồ-tát Công Đức Lâm, bởi vì biểu thị cho kiến lập công đức thù thắng của Thập Hạnh. Hội thứ năm là Bồ-tát Kim Cang Tràng, biểu thị cho Đại nguyện kiên cố của Thập Hồi Hương tự một mình vượt lên trên. Hội thứ sáu là Bồ-tát Kim Cang Tạng, bởi vì biểu thị cho Hạnh vô lậu sâu xa của Thập Địa, Trí kiên cố phá chướng ngại, thâm nhiếp bao hàm đầy đủ công đức. Hội thứ bảy là Bồ-tát Phổ Hiền, bởi vì biểu thị cho Hạnh sâu rộng bao gồm sáu phần vị, cho nên xưng là Phổ Hiền. Hội thứ tám là Như Lai tự mình nhập Định, bởi vì biểu thị cho pháp giới giải thoát tự tại vô ngại, chỉ có Phật mới cùng tận.

Sáu: Nghiệp dụng sai biệt: Tổng quát phân rõ về Dụng của Định, có ba loại: 1) Phát sinh Trí tuệ; 2) Dẫn phát Thần thông; 3) Đầy đủ hai loại. Trong bảy Định này: Hoặc chỉ có phát sinh Trí tuệ, nghĩa là trừ ra Hội đầu và Hội cuối, năm Hội còn lại bởi vì đều từ Định mà phát khởi Trí để thuyết giảng. Hoặc chỉ có dẫn phát Thần thông, nghĩa là Hội thứ tám bởi vì hiển bày về pháp môn pháp giới thân-độ vô ngại của Như Lai. Hoặc đầy đủ hai loại, nghĩa là Hội thứ nhất thì Bồ-tát Phổ Hiền thuyết pháp từ trong Định, cho nên cũng là Thần thông.

Bảy: Trình bày về ý nhập Định, sơ lược có bốn ý: 1) Bởi vì chứng pháp khiến cho quyết định tuyên thuyết. Luận nói: “Vì sao nhập Tam-muội? Bởi vì hiển bày rõ ràng về pháp này không phải cảnh giới của suy nghĩ.” 2) Bởi vì được gia hộ, Phật lực gia hộ giữ gìn bởi vì vị này là pháp khí. Luận nói: “Vì sao gia hộ? Bởi vì đạt được Tam-muội này.” 3) Thành tựu quý tặc, bởi vì những vị thuyết pháp cần phải tương tận mà thuyết thì mới có thể tin tưởng. 4) Biểu thị về pháp, bởi vì nghe đến tên gọi của Định này thì hiểu rõ về pháp ấy. Trong bảy Định này: Năm Hội đầu có đủ bốn ý; Hội thứ bảy chỉ có ba ý, bởi vì thực hành pháp dựa vào lý giải mà không đợi gia hộ; Hội thứ tám chỉ có hai ý, bởi vì Phật không phải là mới chứng cho nên không tiếp nhận gia hộ.

Tám: Song hành và không phải song hành, có bốn câu phân biệt: 1) Hoặc chỉ riêng song hành, nghĩa là Hội thứ tám ở trong Định khởi lên Dụng mà không có gì chướng ngại. 2) Hoặc chỉ riêng không phải song hành, nghĩa là trừ ra Hội thứ nhất và Hội thứ hai, bởi vì các Hội còn lại phải xuất Định mới có thuyết pháp. Luận nói: “Vì sao xuất Định? Bởi vì trong Định không có ngôn thuyết, cho nên không phải song hành.” 3) Hoặc cả hai loại, nghĩa là Hội thứ nhất từ trong Định thuyết ra năm Hải-mười Trí ấy, cho nên chính là song hành, các Hội sau xuất Định rồi mới thuyết ra mười thế giới hải ấy, cho nên cũng không phải song hành. 4) Hoặc không phải cả hai, nghĩa là Hội thứ hai hoàn toàn không có nhập Định.

Phần chín, Ánh sáng của Đức Phật gia trì không giống nhau, có hai: Trước là phân rõ về phát ra ánh sáng; sau là trình bày về chư Phật cùng gia hộ.

Trước là phân rõ về phát ra ánh sáng, cũng đưa ra năm phần: Một, Có và không có; Hai, Nơi chốn phát ra; Ba, Ý phát ra ánh sáng; Bốn, Thể của ánh sáng; Năm, Dụng của ánh sáng.

Trong một: Có và không có: Trong tám Hội, chỉ riêng Hội thứ bảy không hiển bày về phát ra ánh sáng, bởi vì chỗ dựa của pháp thuộc hành vốn không khác với trước, chỉ có thuần thực là khác nhau.

Hai: Nơi chốn phát ra: Hội thứ nhất có hai nơi, một là từ phần răng ở khuôn mặt phát ra ánh sáng, biểu thị cho Giáo đạo giãn ra dài lâu; hai là từ tướng lông trắng giữa chặng mày phát ra ánh sáng, biểu thị cho Chứng đạo tròn vẹn thuần khiết. Hội thứ hai từ tướng vòng tròn dưới chân phát ra ánh sáng, biểu thị cho Tín-Hạnh thấp nhất, vì thế ở dưới chân. Lại biểu thị cho các Hạnh dựa vào Tín mà tiến lên, như thân dựa vào chân mà có nơi hướng đến. Trong hai Hội thứ ba và thứ tư, đều

từ ngón chân phát ra ánh sáng rực rỡ to lớn vượt qua phần vị trước, thêm lên đến ngón chân. Ngón chân có hai nghĩa: Một là có thể cách xa mặt đất, có nghĩa về đứng độc lập; hai là có thể kéo dài thêm ra, có nghĩa về tiến lên phía trước. Nghĩa trước biểu thị cho pháp của Thập Trụ ở Hội thứ ba, nghĩa sau biểu thị cho pháp của Thập Hạnh ở Hội thứ tư, vì thế hai Hội cùng từ nơi này phát ra ánh sáng. Hội thứ năm từ hai đầu gối phát ra ánh sáng, biểu thị cho phần vị của hạnh vượt quá trước kia dần dần lên đến đầu gối, Đại nguyện hồi hướng gặp vào-duỗi ra tiến đến đầu gối mà biểu thị rõ ràng. Hội thứ sáu từ tướng lông trắng giữa chạng mày phát ra ánh sáng, biểu thị cho Thập Địa đích thực chứng đạt. Hội thứ tám cũng từ giữa chạng mày phát ra ánh sáng, cũng biểu thị cho pháp môn pháp giới chứng nhập đầy đủ tất cả.

Ba: Ý phát ra ánh sáng: Những lần phát ra ánh sáng này, tóm lược có bốn ý: 1) Bởi vì hiện rõ tướng để biểu thị cho pháp; 2) Làm cho kinh sợ mà phát khởi Tín tâm; 3) Soi chiếu tiếp xúc để cứu khổ; 4) Tập hợp chúng từ xa quay về.

Bốn: Thể của ánh sáng: Cũng có bốn loại: 1) Chính là ánh sáng thuộc Sự giống như sao băng-ráng mây...; 2) Chính là ánh sáng thuộc Pháp, nghĩa là hiển bày rõ ràng về pháp môn; 3) Chính là ánh sáng thuộc Lý, nghĩa là không phải xanh-vàng-đỏ-trắng, bởi vì không sinh diệt; 4) Ánh sáng không ngăn ngại lẫn nhau, bởi vì ba loại trước không có gì ngăn ngại mà hòa hợp hiện rõ trước mắt.

Năm: Nghiệp dụng của ánh sáng: Tám nghiệp-hai thân như trong luận Thập Địa giải thích.

Sau là trình bày về chư Phật cùng gia hộ, đưa ra bốn môn: Một, Có và không có; Hai, Tướng gia hộ; Ba, Ý gia hộ; Bốn, Phật chủ động gia hộ.

Một: Có và không có: Ở trong tám Hội thì Hội thứ hai-thứ bảy và thứ tám, ba Hội này đều không có gia hộ, Hội thứ hai là phần vị chưa thành tựu cho nên không nhập Định, Hội thứ bảy là pháp thực hành, dựa vào lý giải cho nên không khác với trước, Hội thứ tám là Như Lai tự mình tiến vào Tam-muội cho nên không cần phải gia hộ. Các Hội còn lại không phải như vậy, cho nên đều có đủ hai loại.

Hai: Tướng gia hộ: Nghĩa là chư Phật đều dùng ba nghiệp như nhau mà thực hiện gia hộ, khẩu gia hộ cho ngữ nghiệp để giúp đỡ về biện tài, ý gia hộ giúp cho Trí tăng thêm Tuệ giải giác ngộ, thân gia hộ giúp cho Lực khiến uy thế vượt quá Đại chúng, biểu thị giống Tam luân thâm nhiếp giáo hóa của Như Lai. Vả lại, khẩu gia hộ giúp cho biện tài

khiến có năng lực thuyết giảng, ý gia hộ âm thầm phủ kín để tăng thêm uy thế, thân gia hộ xoa trên đỉnh đầu mà làm cho nhận biết.

Ba: Ý gia hộ: Có sáu: 1) Trong Địa Luận nói: “Vốn là Lực bốn nguyện của Phật Lô-xá-na đã gia hộ.” 2) Vốn là nguyện lực thuộc thiện căn của Bồ-tát ấy. 3) Pháp như vậy mà đạt được Tam-muội ấy. 4) Bởi vì thuyết về pháp này cho nên gia hộ, nghĩa là pháp của các phần vị như Thập Địa... 5) Chư Phật mười phương đều dùng ba nghiệp gia hộ Bồ-tát ấy để cho thuyết ra pháp này, tức là biểu thị chư Phật đã tuyên thuyết giống nhau. 6) Khiến cho Đại chúng ấy nhận biết Phật gia hộ mà thuyết ra, cho nên phát sinh niềm tin thanh tịnh đối với pháp đã thuyết giảng ấy.

Bốn: Danh hiệu và số lượng chư Phật chủ động gia hộ: Trong Hội thứ nhất có chư Phật ở thế giới hải khắp mười phương. Hội thứ ba thì mười phương đều có trần số quốc độ vượt quá thế giới của ngàn vị Phật, ngoài ra còn có trần số chư Phật trong thế giới của ngàn vị Phật, cùng danh hiệu là Pháp Tuệ. Hội thứ tư thì mười phương đều có trần số quốc độ vượt quá thế giới của vạn vị Phật, ngoài ra còn có trần số chư Phật trong thế giới của vạn vị Phật, cùng danh hiệu là Công Đức Lâm. Hội thứ năm thì mười phương đều có trần số quốc độ vượt quá thế giới của trăm vạn vị Phật, ngoài ra còn có trần số chư Phật trong thế giới của trăm vạn vị Phật, cùng danh hiệu là Kim Cang Tràng. Hội thứ sáu thì mười phương đều có trần số quốc độ vượt quá thế giới của mười ức vị Phật, ngoài ra còn có trần số chư Phật trong thế giới của mười ức vị Phật, cùng danh hiệu là Kim Cang Tạng. Giải thích rằng: Bởi vì muốn biểu thị cho tướng của phần vị Tam Hiền-Thập Thánh dần dần tăng lên, làm cho số lượng chư Phật từ ít đến nhiều, đều cùng nhau gia hộ cho Bồ-tát mà gọi tên ấy. Trong Địa Luận Giải thích rằng: “Khiến cho Bồ-tát ấy nghe các Đức Như Lai cùng chung tên gọi của mình, mà tăng thêm vui sướng vô cùng. Vả lại, các vị ấy đều thuyết về pháp giống như danh hiệu của Phật, cho nên không khác nhau về tên gọi gia hộ.

Phân mười, Pháp đã thuyết giảng, sơ lược đưa ra bốn môn: Một, Dựa theo Phẩm; Hai, Dựa theo Hội; Ba, Dựa theo Văn; Bốn, Dựa theo Nghĩa.

Một: Dựa theo Phẩm: Trong Hội thứ nhất có hai Phẩm: Một là phẩm Thế Gian Tịnh Nhãn, hai là phẩm Lô Xá Na Phật. Hội thứ hai có sáu phẩm: Một là phẩm Như Lai Danh Hiệu, hai là phẩm Tứ Đế, ba là phẩm Quang Minh Giác, bốn là phẩm Bồ Tát Minh Nạn, năm là phẩm Tịnh Hạnh, sáu là phẩm Hiền Thủ Bồ Tát. Hội thứ ba có sáu phẩm: Một

là phẩm Phật Thăng Tu Di Đảnh, hai là phẩm Bồ Tát Vân Tập Thuyết Kệ, ba là phẩm Bồ Tát Thập Trú, bốn là phẩm Phạm Hạnh, năm là phẩm Sơ Phát Tâm Bồ Tát Công Đức, sáu là phẩm Minh Pháp. Hội thứ tư có bốn phẩm: Một là phẩm Phật Thăng Dạ Ma Thiên Cung, hai là phẩm Bồ Tát Vân Tập Tán Phật, ba là phẩm Công Đức Hoa Tụ Bồ Tát Thập Hạnh, bốn là Bồ Tát Thập Vô Tận Tạng. Hội thứ năm có ba phẩm: Một là phẩm Phật Thăng Đâu Suất Thiên Cung, hai là phẩm Bồ Tát Thuyết Kệ, ba là phẩm Kim Cang Tràng Bồ Tát Hội Hương. Hội thứ sáu có mười một phẩm: Một là phẩm Thập Địa, hai là phẩm Thập Minh, ba là phẩm Thập Nhân, bốn là phẩm A Tăng Kỳ, năm là phẩm Thọ Mạng, sáu là phẩm Bồ Tát Trú Xứ, bảy là phẩm Phật Bất Tư Nghị Pháp, tám là phẩm Như Lai Tướng Hải, chín là phẩm Phật Tiểu Tướng Quang Minh, mười là phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh, mười một là phẩm Bảo Vương Như Lai Tánh Khởi. Hội thứ bảy có một phẩm, đó là phẩm Ly Thế Gian. Hội thứ tám có một phẩm, đó là phẩm Nhập Pháp Giới. Tụng nói:

“Năm Hội đầu có hai mươi mốt (Nhị-lục-lục-tứ-tam),
Ba Hội sau có mười ba phẩm (Thập nhất các nhất nhất),
Vì thế trong toàn bộ tám Hội (Thị cố ư bát hội),
Có tất cả ba mươi bốn phẩm (Phẩm hữu tam thập tứ).”

Hai: Dựa theo Hội: Có hai: 1) Thâu nhiếp nhân thuận theo quả, Hội riêng biệt có tám; 2) Phân biệt nhân quả có sáu mươi hai Hội.

1) Thâu nhiếp nhân thuận theo quả. Trong Hội thứ nhất: Phổ Hiền ở trong Định quán về năm Hải-thuyết về mười Trí. Nói về năm Hải: Một, Nhất thiết thế giới Hải; Hai, Nhất thiết chúng sinh Hải; Ba, Pháp giới nghiệp Hải; Bốn, Dục lạc chư căn Hải; Năm, Tam thế chư Phật Hải. Nói đến mười Trí: Một, Nhất thiết thế giới hải thành bại Trí; Hai, Chúng sinh giới khởi Trí; Ba, Pháp giới Trí; Bốn, Như Lai tự tại Trí; Năm, Chuyển pháp luân Trí; Sáu, Lực vô úy bất cộng pháp Trí; Bảy, Quang minh tán thán âm thanh Trí; Tám, Tam chủng giáo hóa chúng sinh Trí; Chín, Vô lượng Tam-muội pháp môn bất hoại Trí; Mười, Như Lai chủng chủng tự tại Trí.

Trong Hội thứ hai: Phẩm thứ nhất thuyết về Phật thân danh hiệu Phổ Biến. Phẩm tiếp theo thuyết về Phật ngữ giảng dạy tỉ mỉ rộng khắp. Phẩm tiếp theo trình bày về Phật thân ý thư thái phát ra ánh sáng mở rộng muốn làm cho giác ngộ thông suốt. Ba phẩm trên đây hiển bày Tam luân sai biệt thâu nhiếp vào Dụng của quả Phật. Phẩm tiếp theo thuyết về phần vị Tín chính thức giải thích về mười loại rất sâu xa.

Phẩm tiếp theo thuyết về phần vị Tín có một trăm bốn mươi Nguyên thực hành thanh tịnh. Một phẩm cuối cùng thuyết về Đức của phần vị Tín thành tựu rộng lớn thâm nhiếp các phần vị, cho đến thành Phật.

Trong Hội thứ ba thuyết về pháp của Thập Trú: 1) Phát tâm trú; 2) Trì địa trú; 3) Tu hành trú; 4) Sinh quý trú; 5) Phương tiện cụ túc trú; 6) Chánh tâm trú; 7) Bất thối trú; 8) Đồng chân trú; 9) Pháp vương tử trú; 10) Quán đảnh trú.

Trong Hội thứ tư thuyết về pháp của Thập Hạnh: 1) Hoan hỷ hạnh; 2) Nhiều ích hạnh; 3) Vô huệ hận hạnh; 4) Vô tận hạnh; 5) Ly si loạn hạnh; 6) Thiện hiện hạnh; 7) Vô trước hạnh; 8) Tôn trọng hạnh; 9) Thiện pháp hạnh; 10) Chân thật hạnh.

Trong Hội thứ năm thuyết về pháp của Thập Hồi Hưởng: 1) Cứu hộ nhất thiết chúng sinh ly chúng sinh tướng hồi hưởng; 2) Bất hoại hồi hưởng; 3) Đẳng nhất thiết chư Phật hồi hưởng; 4) Chí nhất thiết xứ hồi hưởng; 5) Vô tận công đức tạng hồi hưởng; 6) Tùy thuận bình đẳng thiện căn hồi hưởng; 7) Tùy thuận bình đẳng quán nhất thiết hồi hưởng; 8) Như tướng hồi hưởng; 9) Vô phược vô trước giải thoát hồi hưởng; 10) Pháp giới vô lượng hồi hưởng.

Trong Hội thứ sáu thuyết về pháp của Thập Địa: 1) Hoan hỷ địa; 2) Ly cấu địa; 3) Minh địa; 4) Diệm địa; 5) Nan thắng địa; 6) Hiện tiền địa; 7) Viễn hành địa; 8) Bất động địa; 9) Thiện tuệ địa; 10) Pháp vân địa.

Trong Hội thứ bảy Bồ-tát Phổ Tuệ đưa ra hai trăm câu hỏi, Bồ-tát Phổ Hiền phân tích từng câu trả lời thành mười câu cho nên thành ra hai ngàn pháp môn.

Trong Hội thứ tám Đại chúng nêu lên sáu mươi câu hỏi, Như Lai hiển bày thân mây pháp giới, khiến cho các vị Bồ-tát đều hòa nhập pháp giới, Xá-lợi-phất cùng năm trăm Thanh văn tuy ở trong Hội mà như mù-như điếc không hề nghe thấy gì, sau đó hiển bày Thiện Tài tùy theo phần vị tu hành chứng nhập pháp giới. Trên đây là thâm nhiếp Trợ quy về Chánh, cho nên dùng tám Hội thu nhận chung tất cả đều không sót.

2) Phân biệt Trợ khác với Chánh mà giải thích phân tán ra. Chư Phật và các Bồ-tát đến với căn cơ, hiển bày Pháp Hội riêng biệt tất cả có sáu mươi hai Hội, tám Hội đầu như trước đã hiển bày, tiếp đến dựa theo Bồ-tát đến với căn cơ thâm nhiếp giáo hóa có năm mươi bốn Hội. Toàn bộ cùng phân định liên kết chắc chắn với nhau mà làm thành năm phần:

Đầu tiên có bốn mươi một vị tên gọi dựa vào tướng tu hành của phần vị, trong đó: Thứ nhất là một Hội của Văn Thù Sư Lợi ở phía Đông của Giác Thành, khiến cho Thiện Tài tiến vào pháp giới thuộc phần vị Tín. Tiếp theo là Tỳ-kheo Công Đức Vân ở núi Hòa Hợp thuộc nước Khả Lạc, khiến cho Thiện Tài đạt được pháp môn Phổ Môn Quang Minh Tam Muội Quán Sát Chánh Niệm Chư Phật; cho đến thứ mười là Nữ nhân Di-đa-la trong thành Sư Tử Phấn Tấn, khiến cho Thiện Tài đạt được pháp môn Bát Nhã Ba La Mật Phổ Trang Nghiêm. Mười vị trên đây khiến cho Thiện Tài đều đạt được một loại pháp môn, đầy đủ phần vị của Thập Trụ.

Tiếp đến từ Tỳ-kheo Thiện Hiện ở nước Cứu Độ, khiến cho Thiện Tài đạt được pháp môn Tùy Thuận Bồ Tát Đẳng Minh; cho đến thứ mười là Ngoại đạo xuất gia tên gọi Tùy Thuận Nhất Thiết Chúng Sinh ở trong thành Tri Túc, khiến cho Thiện Tài đạt được pháp môn Chí Nhất Thiết Xứ. Mười vị trên đây đều khiến cho Thiện Tài đạt được một pháp môn, đầy đủ phần vị của Thập Hạnh.

Tiếp đến là Trưởng giả Thanh Liên Hoa ở nước Cam Lộ Vị, khiến cho Thiện Tài đạt được pháp môn Nhập Hương; cho đến thứ mười là Địa thần Đạo Tràng tên gọi là An Trụ ở nước Ma-kiệt-đề, khiến cho Thiện Tài đạt được pháp môn Bồ Tát Bất Khả Hoại Tạng. Mười vị trên đây đều khiến cho Thiện Tài đạt được một pháp môn, đầy đủ phần vị của Bồ-tát Thập Hồi Hương.

Tiếp đến từ Dạ Thiên Bà-sa-đà ở thành Ca-tỳ-la, khiến cho Thiện Tài đạt được pháp môn Quang Minh Phổ Chiếu Chư Pháp Hoại Tán Chúng Sinh Ngu Si; cho đến thứ mười là Nữ nhân dòng họ Thích-ca tên gọi Cù-di ở thành Ca-tỳ-la, khiến cho Thiện Tài đạt được pháp môn Phân Biệt Quán Sát Nhất Thiết Bồ Tát Tam Muội Hải. Mười vị trên đây đều khiến cho Thiện Tài đạt được một pháp môn, đầy đủ phần vị của Bồ-tát Thập Địa.

Trên đây là bốn mươi một vị tổng quát trình bày về dựa vào tướng tu hành của phần vị, xong.

Từ đây trở xuống, đầu tiên từ Phu nhân Ma-da khiến cho Thiện Tài đạt được pháp môn Đại Nguyên Trí Huyền; cho đến thứ mười là Đồng tử Đức Sinh và Đồng nữ Hữu Đức khiến cho Thiện Tài đạt được pháp môn Bồ Tát Huyền Trụ. Mười vị trên đây đều khiến cho Thiện Tài đạt được một pháp môn, đầy đủ pháp môn thứ hai của Bồ-tát là hội tụ duyên tiến vào Thật tướng.

Từ đây trở xuống, bên trong lầu quán Nghiêm Tịnh Tạng trong

rừng Đại Trang Nghiêm ở nước Hải Giản, Bồ-tát Di-lặc khiến cho Thiện Tài đạt được pháp môn Tam Thế Trí Chánh Niệm Tư Duy Trang Nghiêm. Một vị trên đây khiến cho Thiện Tài tiến vào pháp môn thứ ba của Bồ-tát là tướng thâm nhiếp đức thành tựu nhân.

Từ đây trở xuống, Văn Thù Sư Lợi ở bên thành Phổ Môn từ xa duỗi tay phải xoa trên đỉnh đầu Thiện Tài, nhìn thấy được trần số Tri thức trong Tam thiên Đại thiên thế giới, không trái với lời dạy của các vị; cho đến an lập Thiện Tài vào trong pháp môn thuộc Đạo tràng Phổ Hiền ở nơi trú xứ của mình. Một vị này khiến cho Thiện Tài tiến vào pháp môn Trí Chiếu Vô Nhị Tướng.

Từ đây trở xuống ở trong Đạo tràng Kim Cang Tạng trước Như Lai, Bồ-tát Phổ Hiền khiến cho Thiện Tài đạt được pháp môn Thập Bát Khả Hoại Trí Tuệ. Một vị này khiến cho Thiện Tài tiến vào pháp môn Hiển Nhân Quảng Đại Tướng.

Vả lại, chủng loại của các Thiện tri thức đã cầu tìm trên đây có năm: 1) Dựa theo phần vị thì có năm mươi bốn phần vị như trước phân rõ; 2) Dựa theo Chủ-Bạn thì có một trăm mười; 3) Dựa theo Đồng giáo thì nhìn thấy trần số Tri thức trong Đại thiên thế giới; 4) Dựa theo Biệt giáo thì nhìn thấy trần số Tri thức trong thế giới của mười vị Phật; 5) Dựa theo xứng pháp-dựa theo nối thông với vô tận thế giới khắp mười phương, thì nhìn thấy các Thiện tri thức Bất khả thuyết-Bất khả thuyết như pháp giới hư không.

Ba: Dựa theo Văn hiển bày về phạm vi giới hạn: Có sáu lớp:

1) Dựa theo ba phần: a) Phẩm đầu là phần Tựa; b) Từ phẩm Lô Xá Na Phật về sau là phần Chánh Tông, kinh này không hết cho nên không có phần Lưu Thông. Lại giải thích: Kinh này cuối cùng không có phần Lưu Thông, bởi vì bảy Hội trước đều không có phần Lưu Thông. Kinh Đại Bát Nhã thì cuối mười sáu Hội đều có phần Lưu Thông riêng biệt. Kinh này không giống như kinh ấy, cho nên biết kinh này cuối cùng không có phần Lưu Thông, bởi vì biểu hiện rõ ràng cho pháp môn không có nơi cuối cùng.

2) Dựa vào Pháp sư Chánh... đưa ra bốn phần: a) Phẩm đầu là phần Tựa; b) Từ phẩm Lô Xá Na Phật trở xuống đến phẩm Quang Minh Giác, kinh văn bốn phẩm gọi là Phần nêu ra quả khuyến khích vui mừng; c) Từ phẩm Minh Nạn trở xuống đến phẩm Tánh Khởi, kinh văn hai mươi bảy phẩm trình bày về Phần tu nhân hợp với quả; d) Hội thứ bảy và Hội thứ tám trình bày về Phần dựa vào con người thể nhập chứng đạt.

3) Chánh thuyết có năm phần: a) Một phẩm đầu là Phần nhân

duyên khởi giáo; b) Trong phẩm Lô Xá Na Phật có một vòng hỏi-đáp là Phần nêu ra quả khuyến khích vui mừng phát sanh niềm tin; c) Từ đầu Hội thứ hai đến cuối Hội thứ sáu có ba mươi phẩm, cũng có một vòng hỏi-đáp là Phần tu nhân hợp với quả phát sinh hiểu biết; d) Trong Hội thứ bảy có một vòng hỏi-đáp là Phần nhờ vào pháp tiến tu thành tựu hạnh; e) Trong Hội thứ tám có một vòng hỏi-đáp là Phần dựa vào con người thể nhập chứng đạt thành tựu đức. Bởi vì trong kinh này chỉ có bốn lượt hỏi-đáp như vậy, cho nên gồm đủ phần Tựa, nhưng có thể phân làm năm Phần chứ không thể nào nói khác được. Lại trong bốn lượt hỏi-đáp: 1) Phát sinh niềm tin; 2) Khởi lên hiểu biết; 3) Thành tựu công hạnh; 4) Chứng nhập chân lý, cho nên nghĩa đầy đủ trọn vẹn không thêm bớt.

4) Hoặc làm thành năm vòng nhân quả: a) Trong Hội thứ nhất, quả mở rộng mà nhân tóm lược, là nhân quả đã tin vào; b) Hội thứ hai đến phẩm Tiểu Tướng là nhân quả thuộc về Tu sinh; c) Phẩm Phổ Hiền và phẩm Tánh Khởi là nhân quả thuộc về Tu hiển bày; d) Trong Hội thứ bảy là nhân quả thuộc về thành tựu hạnh; e) Trong Hội thứ tám là nhân quả thuộc về thể nhập chứng đạt.

5) Hoặc là tám Hội đều có một pháp: 1) Cảnh giới đã tin vào; 2) Dựa vào cảnh phát khởi niềm tin; 3) Dựa vào niềm tin phát sinh hiểu biết; 4) Dựa vào hiểu biết phát khởi công hạnh; 5) Thuận theo công hạnh phát khởi thệ nguyện; 6) Thực hành thệ nguyện chứng nhập thật tế; 7) Rèn luyện công hạnh thuần thực; 8) Thâu nhiếp trọn vẹn pháp giới. Cũng là nghĩa lý viên mãn cho nên không có thêm bớt.

6) Hoặc là phân ra làm mười, nghĩa là trong năm vòng nhân quả trước đây thì hai phần vị đầu và cuối là trước quả-sau nhân, ba phần vị còn lại là trước nhân-sau quả, tất cả phân thành hai phần vị nhân quả cho nên trở thành mười.

Bốn: Dựa theo Nghĩa để hiển bày: Tổng quát nêu lên Đại ý của kinh này thì nghĩa lý tóm lược đưa ra mười môn: 1) Đồng thời cụ túc tương ứng môn; 2) Nhân-đà-la võng pháp giới môn; 3) Bí mật ẩn hiển câu thành môn; 4) Vi tế tương dung an lập môn; 5) Chư tạng thuần tạp cụ đức môn; 6) Thập thế cách pháp dị thành môn; 7) Nhất đa tương dung bất đồng môn; 8) Chư pháp tương tức tự tại môn; 9) Duy tâm hồi chuyển thiện thành môn; 10) Thác sự hiển pháp sinh giải môn.

Trong mười môn trên đây mỗi một môn đều có mười nghĩa: Một, Người và Pháp; Hai, Giáo và Nghĩa; Ba, Nhân và Quả; Bốn, Lý và Sự; Năm, Giải và Hạnh; Sáu, Phạm vi của cảnh và phần vị; Bảy, Pháp trí

~~HOA NGHIÊM KINH THAM HUYỀN KỲ, Quyển 9~~
của thầy và trò. Tâm Ý thánh gửi a chủ và bạn; Chín, Thể Dụng thuận và nghịch; Mười, Thị hiện tùy theo Căn-Dục của chúng sinh. Mười nghĩa như vậy đều đồng thời tương ứng trở thành một duyên khởi, tùy theo nghĩa môn riêng biệt đưa vào mười môn trước, đều dựa theo tư duy!

Vả lại, tiếp tục trải qua giải thích trong mười môn trước: Đầu là các duyên kế hợp với nghĩa, là tổng quát. Dựa theo duyên khởi của nghĩa về hoàn toàn có lực-hoàn toàn không có lực, cho nên có môn Tương Dung. Dựa theo duyên khởi của nghĩa về Không-Hữu, cho nên có môn Tương Tức. Dựa theo duyên khởi của Lực Dụng thâm nhiếp trùng trùng, cho nên có môn Đế Vông. Dựa theo duyên khởi của có và không có hoàn toàn không đi cùng, cho nên có môn Ẩn Hiện. Dựa theo duyên khởi của Đồng Thể môn thâm nhiếp pháp, cho nên có môn Vi Tế. Dựa theo duyên khởi đã khởi lên pháp phân biệt thời gian trước sau, cho nên có môn Thập Thế. Dựa theo duyên khởi của các môn đã thu nhận các pháp đều có thuận nhất và lẫn tạp, cho nên có môn Thuần Tạp. Dựa theo duyên khởi của tự tánh, cho nên có môn Duy Tâm. Dựa theo duyên khởi của Tướng Dụng về Lý quán như Sự, cho nên có môn thuyết giảng nhờ vào Sự hiển bày về pháp. Mười nghĩa trên đây xuyên suốt cả một Bộ kinh, hãy suy nghĩ điều đó!

HOA NGHIÊM KINH VĂN NGHĨA CƯƠNG MỤC, XONG.

Ngày 23 tháng 10 năm thứ 2 niên hiệu Thiên Trị, bản của Khoan Hữu, Tăng ở tại gian phòng trên hồ. Vị lai tiếp nhận sự hiểu biết thì mỗi người có thể khiến cho đời sau tìm hiểu đầy đủ vậy.

